

BẢO VƯƠNG TAM-MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ

QUYỂN HẠ

1. *Khuyên Không Sát Sinh.*

Ngài tướng quốc Bùi Hưu từng viết bài tựa của sớ kinh Viên Giác có ý tóm tắt thể này: hễ thuộc loài có khí huyết thì tất có hiểu biết, hễ có hiểu biết thì tất đồng thể. Đó gọi là chân tịnh minh diệu, hư triệt linh thông, cao vót mà riêng còn. Do cái quán đó mà biết các loài bò bay máy động đến các loài siêu vi bé xiu và các loài có thân to lớn như sư tử, voi, rắn, rít... cùng một diệu tâm viên giác của mười phương chư Phật, hư triệt linh thông, đồng một thể chân tịnh thì sao có thể phân biệt là hơn kém. Chúng sinh và Phật đã đồng nhau, thì người dù là loài chí linh há chẳng phải cùng với các loài ấy đồng một thể tánh, cùng bản chất là tứ đại, năm hành và đồng sinh sống trong khoảng trời đất này, như các loài chuột

hoang, yên núi, trên ứng với càn tượng giống như cả mặt trời mặt trăng, có thể giữ việc họa phước cho người, đâu không bằng người ư? Lý này đã rất sáng tỏ, bèn biết rằng người cùng loài vật có tính đồng thiên luân, đây kia đều không khác. Há lại ý mình một lúc đang thời mạnh bạo thừa lúc các loài kia yếu kém mà mặc tình giết hại sao? Lại các loài ấy có khác với người, chỉ vì từ vô thủy chúng có vọng tưởng quá nặng, bị nghiệp ác lôi kéo, nên mê mờ không biết không hay, thay hình đổi dạng thọ sinh làm loài khác, chứ không thể bảo rằng tâm thể có khác. Thể đã không khác lại cùng các loài ấy cùng ở trong sinh tử, cứ sao lại bảo nên chẻ xương lột da, thọc huyết lóc thịt, móc gan ruột... hoặc đem cân đo mua bán, nấu nướng trăm món đủ điều, mặc tình ăn nuốt. Chế biến đủ thức ngon, ăn uống thỏa thuê vừa miệng, đầy bụng mà không hề đoái hoài lo sợ cái đau khổ nhiều kiếp ở ác đạo sắp tới, làm lỗi lầm thay. Loài người tuy bảo là có hơn các giống vật ấy, đó là vì nghiệp báo quả dữ chưa đến đó thôi, đâu phải là thật sự

hơn chúng. Huông chi các loài ấy khi nghiệp báo đã hết sẽ có loài lại sinh làm người, làm trời cũng có khi là chính các Thánh nhân, chư Phật, Bồ-tát thị hiện ra thân loài ấy. Ta vì bị mê chướng nên không biết mà thôi. Sao ta lại nỡ giết hại thân mạng rất quý trọng kia để thỏa mãn khoái khẩu trong chốc lát, chợt khi nghiệp báo làm người đã hết thì lại chịu thân còn thua các loài ấy. Sao lại bảo rằng thú vật là món ăn của loài người mà cho rằng nó không bằ

ng ta. Huông lại từ kiếp xa xưa thân ta đồng loại với chúng, chúng đồng loại với ta. Trong các loài ấy biết đâu không phải cha mẹ, anh chị em, vợ con, bạn bè thân thuộc. Do vì hình thể thay đổi, tâm luôn mê mờ mù mịt nên không biết nhau, do đó mà dối bảo chúng là kém ta. Nay ta giết hại chúng để ăn thịt, tức là đã giết hại ông bà cha mẹ bà con thân thuộc của ta từ nhiều kiếp trước đây. Và lại thân ta do tứ đại tạo nên thì cũng là giết hại thân tứ đại cũ của mình vậy.

Lại như Đức Phật có nói tất cả chúng sinh

đều có Phật tánh, đời vị lai tất sẽ thành Phật, còn phải nên cúng dường, hầu hạ, tương như cha mẹ ruột, sao lại nhẫn tâm giết hại. Nếu giết đi thì cũng chính là giết Phật vị lai, đâu chẳng sợ ư? Than ôi người thời nay ưa giết hại, không biết nhân đời trước, trong lúc thân thiết thương yêu gặp phải hoàn cảnh trái ngang đã nhiều phen tạo bao ngang trái. Rồi từ thân thành oán, từ oán kết hận thù, oán thù chồng chất mãi lên nhau đời đời không mất. Do đó mà cùng sinh ra, cùng giết hại nhau, xoay vần mãi không thôi. Như nước triều kia hết lên rồi xuống, hết đầy rồi vơi, qua lại mãi không tự dứt được. Nghĩ về mình rồi xét kỹ chúng đâu chẳng đau xót lắm sao? Trong kinh Phạm Võng: “Đã cấm tự mình giết hại cho đến việc bảo người khác giết, giúp phương tiện, khen ngợi vui thích hoặc nguyên rủa trừ ẻo... việc giết hại và các pháp nghiệp nhân duyên đều phải dứt hẳn. Đây là lời dạy rất nghiêm khắc chân thành của Phật vậy. Nếu ta không ngưng nghỉ mà cứ mãi ăn thịt lẫn nhau thì sẽ giúp những kẻ làm các việc ác

như săn bắn, bẫy rập, câu lưới... càng thêm nhiều, khiến tất cả chúng sinh không nơi ẩn trốn. Khi chẳng may lọt vào tay người thì tất cả lông, cánh, vảy, mai... đều bị vặt sạch, lột trụi, tiếng kêu la rên siết inh ỏi chưa dứt mà chúng đã bị ăn nuốt rồi. Hoặc đem trao đổi mua bán các vật khác để nuôi thân, đâu không biết rằng tất cả loài vật đều biết ham sống sợ chết giống y như ta. Nếu ai biết rõ đó là những thân nhân từ nhiều đời trước mà bỏ hẳn nghiệp giết hại thì chính là kẻ hiếu đạo hoàn toàn. Kinh nói rằng hiếu tức là giới, tức cấm sát sinh là hiếu vậy. Và lại các loài vật ấy đủ tánh biết trước nhưng vì tránh không đúng lúc, trốn chẳng đúng nơi. Huống lại trời đất bao la cũng phải tự tìm chỗ để kiếm sống, vì không thể tự nuôi sống được nên cả hai bên cùng phải gặp nhau, nên nay phải lọt vào tay người, ấy là vì nhân kiếp trước nên không trốn thoát được. Nhân ở kiếp trước đã không thể trốn thoát thì nhân ở đời nay tự mình phải suy xét kỹ lưỡng để tránh mọi đau khổ. Nếu như không ngăn cấm thì nghiệp giết hại

giữa hai bên sẽ lôi kéo xoay vần đối chỗ cho nhau, đâu thể trốn đi được. Kinh nói: Giả sử trải cả trăm ngàn kiếp, thì nghiệp tạo ra kia vẫn không mất, đến khi nhân duyên gặp nhau thì tất phải gánh lấy quả báo ấy, đâu phải lời nói suông. Cho nên đức Thế Tôn, đấng Tịnh giác hoàn toàn của chúng ta, hóa hiện ra tướng người ở trong các pháp hội đều khuyên dạy giới sát này, định ninh khuyến cáo răn cấm đến nhiều lần. Và lại lấy giới sát này làm đầu, trong các phạm hạnh thì đều rất là nghiêm khắc. Lại còn thị hiện việc vua Lưu Ly tàn sát giòng họ Thích, Đức Phật cũng bị đau đầu và bị báo kim thương là để làm gương cho đời. Đó là vì muốn người biết việc nhân quả khó tránh thoát để cùng ngăn cấm việc giết hại, khá chẳng tin sao. Có kẻ bảo Phật không có việc đó nhưng vì chúng sinh mà thị hiện ra việc này, thì Thánh nhân có lỗi lừa dối người. Phật đã không có lỗi thì việc này đâu lại chẳng phải sự thật. Đã là sự thật mà Đức Phật còn phải chịu như thế huống là loài người chúng ta, cho nên biết rõ cái lý của

sự báo đền như bóng theo hình. Lại như người đời trong cuộc sống ngay cả đối với bạn thân chỉ cần một lời sơ suất trái ý nhau hoặc bội bạc điều gì, còn oán hận suốt đời cho đến chết, huống lại banh thây xé thịt ăn uống no say, thù hận đó dễ quên được sao. Và như sách thế tục còn dạy không nên bao vây, không tấn công thành linh, chỉ câu mà không lưới, săn bắn mà không bắn ban đêm. Lại dạy khi nghe tiếng kêu la mà không nỡ ăn thịt... cũng giống như ba tạng tiệm giáo của Phật cũng nói là cho ăn ba thứ tịnh nhục. Tuy không bằng Đại thừa phương đẳng ngưng hết nghiệp sát thì dần dần cũng dừng cả việc sát hại. Dần dần ngưng việc giết hại còn có chí đức và loài cầm thú ngợi khen. Huống là ăn uống chay tịnh, mặc sô gai, lòng chuyên việc từ bi nhân nhĩn, không hề đối xử tàn bạo với một vật nào khiến chúng đều sống an ổn. Há chẳng phải là đức hoá vô biên đáng khen ngợi ư?

Và như người xưa còn không hề chịu được việc để xương khô phơi ngoài sương

năng, dầu xương khô, nào có biết gì mà lòng còn bất nhẫn đành phải đem chôn lấp kín đáo thay. Huông là vật có mạng sống, có máu thịt đồng tánh linh mà có thể giết để ăn thịt được sao? Lão tử có nói: “Săn bắn dọc ngang khiến lòng người phát cuồng.” Lại nói bắn chim rượt đuổi muôn thú, phát quang làm kinh sợ muôn thú, mặc tình giết hại, vô cớ phanh thây nấu nướng, cho đến đi đứng nằm ngồi đều tàn hại sinh vật. Trong khoảng trời đất có quan tra xét, thừa lệnh đức hiếu sinh của Thượng đế, tùy tội nặng nhẹ đều ghi chép kỹ càng, một sợi tóc cũng không sót, khiến kẻ gây tội phải bị giảm tuổi thọ và chiêu cảm các điều trái ý. Đến khi chết phải bị đọa vào địa ngục chịu mọi thứ khổ hình như núi đao rừng kiếm, chặt xẻ nấu ram, kéo ruột móc phổi, lột da ăn thịt, chẻ xương nạo tủy, đập đầu móc mắt, thiêu đốt tay chân, ở khắp các địa ngục lớn không nơi nào là không trải qua. Quét đá mòn thành bụi thì cũng không thể lấy thời gian dài lâu đó mà dụ cho số năm ở trong địa ngục được. Dầu cho khi nghiệp

báo trong các ngục lớn đã hết thì lại phải đọa làm loài ngựa quý cả trăm ngàn kiếp, rồi lại đọa làm loài súc sinh cũng với số kiếp ngàn ấy. Trong loài súc sinh thì giết một mạng sẽ báo đền một mạng. Nhưng nếu tâm sát quá nặng thì giết một sẽ có báo gấp ngàn vạn lần cho đến vô tận mới gặp lại người cùng ta giết nhau như trước đã gặp để hoặc giết hoặc ăn hầu đền trả cái nợ đời trước, dù may mắn cũng không sai sót. Nếu như kiếp trước có chút ít lành, nay được sinh làm người thì vẫn phải chịu đời đời nghèo hèn cùng khổ, cô quả, nhiều bệnh, chết yếu, điên khùng thất chí, đui điếc câm ngọng, ghẻ lở, ung thư, máu mủ... trăm ngàn khổ não, vương vίου đầy thân, tất cả bao nhiêu cảnh oán thù đều tập hợp trên người, bà con thân tộc đều lánh xa bỏ rơi không thể chịu đựng nổi. Đây là do nghiệp sát đã quá sâu dày cho nên phải gánh chịu các khổ cùng cực đến thế. Ấy là lấy từ thiên sách dạy giới sát của Tử Đổng đế quân. Kinh Thư cũng nói: Ai làm ác thì cả trăm tai họa sẽ giáng xuống đầu, chẳng phải thế sao? Và lại dầu

khác loài cũng có nhân tâm, đúng lý đâu nên giết. Có lẽ hiếu hạnh thì như dê con còn biết quỳ xuống cho dê cha mẹ bú, quạ hiền biết dứt mối nuôi cha mẹ. Còn về trung nghĩa thì như loài giải trại bắt khuất, loài chó Hồ biết bảo vệ chủ. Loài ong kiến còn có chúa có tôi, loài uyên ương thì chỉ một vợ một chồng, loài chim nhạn khi bay thì biết nhường anh em, kêu gọi bạn bè... xem các loài quần sinh như thế thì có khác chi người. Loài người tuy là vật chí linh nhưng nhiều kẻ suy ra lòng thương xót đồng loại lại không bằng cả loài hàm thức, lại đi giết chúng mà ăn uống để nuôi sống riêng mình. Như thế mà đáng gọi là chí linh, là nhân từ được sao?

Lại quan Lục Tuyên (Hoàn) đại phu hỏi Ngài Nam Tuyên rằng: “Đệ tử nên ăn thịt hay không nên ăn?” Ngài Nam Tuyên đáp: “Hễ ăn thì là lộc của đại phu mà không ăn thì là phước của đại phu.” nghĩa đã khá rõ. Dầu kẻ thế tục ở đời có thiết tiệc đãi khách hoặc gặp khi thiết lễ cúng tế đâu không thể dùng các thứ rong rau quả, phần đông dưng

cúng các vật ngon cho nghi thức này thì phải bảo toàn đạo trai giới.

Lại như kinh có nói thuở xưa có con một người đồ tể muốn xin đi xuất gia vì không thích sát sinh. Người cha đưa dao và dê cho đứa con rồi đóng kín cửa lại bảo: “Nếu mày không giết dê thì cứ giết mày.” Thế là người con tự sát. Do công đức ấy nên người con được sinh lên trời hưởng khoái lạc trong nhiều kiếp. Thế mới biết người không sát sinh đã được sinh vào chỗ tốt, thân được sung sướng mà đời đời lại được báo sống lâu, lại hay đẻ đức cho con cháu nhiều đời. Nhưng hiện nay Phật pháp sắp diệt, như chín đánh to treo sợi chỉ mảnh, phần lớn có nhiều đệ tử Phật không thể hiện được đức Từ bi của Phật, ăn uống vô độ. Thấy người chay tịnh thì chê là Tiểu thừa, là ma đầu, thậm chí có lúc còn sánh với trâu dê ngỗng lợn. Hạng người này tâm quá độc ác, trăm điều ngụy biện để che dấu tội lỗi của mình. Đám ác nhân này thần Thánh thấy đều giận ghét, bảo đó là đám quỷ La-sát ăn thịt người. Thật ra đám quỷ kia còn thật thà ngay thẳng

hơn hạng người ấy nhiều. Rõ ràng đây là điềm Phật pháp sắp diệt mất không thể không biết. Còn như ông Tử Sản còn phát hiện được việc cá biết than thở, vua Tề bắt nhận khen đó là lời không gây thương tổn cho thuật nhân, còn ông Đái Ký thì chê việc giết thú là bất hiếu. Có kẻ thương sinh nhân cứu bày kiến mà được đỗ khoa cao, cho nên biết việc giết hại và không giết hại thì chiêu lấy những tổn hại và ích lợi rất rõ ràng. Huống cho bọn ta tứ chúng đệ tử Phật lại làm nghiệp sát hay sao? Kinh Lăng-nghiêm có nói vì người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê, đây đền mạng cho kia, kia phải trả nợ cho đây. Do nhân duyên đó mà trải suốt trăm ngàn kiếp luôn ở mãi trong sinh tử. Lại bảo rằng đời đời kiếp kiếp trở lại ăn thịt lẫn nhau, đồng tạo ác nghiệp cùng tận đến hết cả bờ mé vị lai cũng chưa dứt. Kinh Pháp Hoa nói những kẻ săn bắn, lưới cá vì lợi mà giết hại, mua bán thịt cá để nuôi sống, chớ nên gàn gỏi họ. Lại có kệ rằng nếu khi muốn sát sinh, hãy tự quán thân mình. Thân mình không nên giết, mạng

vật có khác chi? Những lời dạy chân thành tha thiết này há chẳng đúng thật ư? Có kẻ tà kiến bảo rằng các loài chúng sinh kia chỉ vọng sống vọng chết, tội phước vốn không, giết đi chẳng có quả báo gì, vậy sao lại không bảo bọn ta cũng vọng cầu vọng ăn, mùi vị ở lưỡi vốn không, ăn chỉ vô ích. Chính đây là do tâm tham gây ra, đâu không có báo cảnh. Nếu bảo rằng loại này không ăn thì dùng để làm gì. Như vậy rắn rít bọ cạp đều là vô dụng sao không ăn nuốt đi. Những việc nêu trên chính là xét mình mà suy ra loài vật đều bình đẳng không nên giết hại, thì ai nấy đều thật hành đạo nhân từ. Nay kẻ xuất gia chúng ta muốn tu pháp môn niệm Phật Tam-muội thì Tam nghiệp cần phải thanh tịnh, cởi bỏ hết mọi oán thù để sinh về cõi Tịnh độ, há không bỏ nghiệp giết hại để ăn uống, để đến lúc lâm chung phải bị tai chướng ư? Trong các đại tạng kinh đều rộng nêu các giáo chỉ của chư Phật, một lời trước sau đều không khác. Các lời khuyên dạy trong ba tạng Thánh giáo kinh luật luận đều rõ ràng, ghi chép

đầy cả sách vở khó thể trích dẫn hết được. Chỉ mong cả pháp giới chúng sinh khi nghe hiểu nghĩa thú này thì thể đạo hiếu sinh, đồng lên bậc nhân thọ, đều sống trọn hết tuổi trời, tránh khỏi hết các oán kết, lại hay đúng pháp khuyến dạy người, hoàn thành đầy đủ đạo từ bi cứu khổ của Thánh nhân, khiến mình và người đều chứng được từ tâm, quyết cùng tạo nên cõi Liên hoa, đồng thành quả chánh giác vậy.

2. *Khuyến giữ các giới khác.*

Có người hỏi: Nay nghe niệm Phật trực chỉ nói cấm việc sát sinh, chính là chỉ thể hợp cơ nghi, sự lý đều đủ, đúng là một lời dạy thật lợi vật ích đời. Dám xin hỏi rằng chỉ có giới cấm sát sinh đây là cùng tốt, hay cũng cần phải giữ kỹ các tội ác là đạo, dâm, vọng v.v... khác. Nếu tất cả giới đều phải giữ, vì sao chỉ nói gọn có giới sát?

Đáp: Ôi sao ông lại bảo thế ! Ông chẳng từng nghe trong kinh đều nói đủ các giới, đâu có nói riêng giới sát. Chẳng qua nghiệp sát quá nặng chung cả kẻ sang người hèn và rất khó trừ dẹp, cho nên đứng đầu các

Chánh hạnh. Trước hết phải dẹp bỏ giết hại thì mới có thể giữ đủ các giới khác, nên cần phải nói rõ. Giới thể đâu có việc lấy bỏ. Lại nếu giới đức không tu thì căn cứ vào đâu mà lập hạnh, cũng như bình hũ muốn chứa đựng chất đề hồ, trước nhất cần phải thật sạch sẽ. Người tu Tam-muội cũng thế, các giới quyết phải thanh tịnh thì Tam-muội mới thành, vì dù nghiệp đời trước quá sâu nặng, khó dẹp trừ nhanh chóng thì phải nên tìm đủ mọi cách để chế ngự đề bọ. Phải luôn tự khuyên gắng tâm mình, kiểm điểm tự thân hồi lỗi, tu tứ niệm xứ, hiểu rõ ở thế gian là vui ít khổ nhiều, vô thường luôn hư hoại không bao lâu sẽ tiêu mất. Tất cả các pháp đều không trong sạch, như mộng huyễn và vô ngã. Phải lập ra các phương tiện như thế mà khiến chúng phải đoạn dứt. Đâu thể theo vọng niệm mà không làm chủ được mình. Lại dù giới đức có đầy đủ mà không khiến thân tâm lắng nghe, dứt hẳn các thứ nghề khéo, thuật mọn của thế gian, cho đến tất cả thứ hoặc lành hoặc dữ khiến tâm niệm phân tán, nếu không dẹp bỏ đi thì

làm sao mà nhất tâm chuyên tu pháp Tam-muội này. Nếu Tam-muội không chuyên nhất thì do đâu mà được vãng sinh. Song hiện nay vô minh nghiệp thức của tất cả chúng sinh đầy khắp pháp giới, dầu chỉ khởi lên một niệm tâm thế tục, liền bị tất cả trần lao, các đảng ma quái như thế v.v... lôi kéo đi, toàn thân bị kèm kẹp vùi lấp, không có ngày thoát khỏi. Cũng như con cá đang bơi lội bị vướng phải một sợi tơ mỏng thì tai họa không phải nhỏ. Tâm niệm còn thế huống là thân ra làm. Nay tu pháp môn Tam-muội này chính là muốn được nhất tâm, như tên bắn trúng đích, không phải đợi lúc thân này báo hết mới trốn thoát chốn rừng rậm mà quyết vãng sinh Tịnh độ. Há có thể bỏ giới luật mà vướng víu theo duyên, ý chí hạnh nguyện dần dà khiến pháp môn Tam-muội không thành lại bị đọa vào ác đạo, há chẳng đau đớn lắm sao? Nếu quả như có nghe học mà không giữ giới thì khi lâm chung không có chứng nghiệm, chớ nên bảo rằng Phật lực không cảm ứng vậy.

3. *Cố gắng tinh tấn.*

Tinh tấn thì không bị tám thứ gió ở thế gian làm cho lui sụt. Lại không làm cho thân tâm đổi khác, vì tất cả những bệnh duyên lớn nhỏ khiến việc làm bị sơ suất, nên gọi là tinh tấn. Người tu hành đã nương vào lời khuyên dạy mà phát tâm đoạn dứt nghiệp sát, dần dần giữ đủ các giới khác, nếu muốn vào Tam-muội. Khi ở trong Tam-muội có thể bị tất cả hai thứ ma mạnh mẽ và mềm yếu nó làm mê loạn cả trong ngoài khiến người tu hành bị lui sụt, lúc đó cần phải hết sức trì chí mạnh mẽ kiên cường thêm nhiều, tinh tấn như Kim cang tràng không có gì phá hoại được, như núi Tu-di không có gì lay động được, như biển cả to rộng kia các chất độc không thể làm hư hại được. Giả sử người tu hành nghe lời Phật thọ ký rằng dẫu ngày nay ông tu hạnh này nhưng quyết không thể nào vãng sinh lên nước An dưỡng kia được thì liền thưa rằng: “Lành thay ! Bạch Thế Tôn, trước đây con tin nhận lời Phật thọ ký mà cầu sinh lên Cực lạc. Đức Phật Thích Ca có nói tất cả chúng sinh đều nên phát nguyện cầu vãng

sinh về cõi nước ấy. Cõi ấy còn không hề phân biệt với số người nữ, thiếu căn và cả đám người phạm mười tội ác, tội ngũ nghịch phải đọa ngục A-tỳ thay, huống gì con. Con dù hiện nay đạo hạnh còn yếu nhưng không hề phạm tội ngũ nghịch, niệm hơn mười danh hiệu Phật thì chắc chắn là phải được vãng sinh. Đức Phật ấy đâu thể tự dối mình, chịu trái với lời nguyện xưa. Huống cả mười phương chư Phật đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài, minh chứng rõ ràng cho việc đó. Thế nên nay con nhất định cầu vãng sinh không dám lui sụt.” Như thế gọi là kẻ tu hành có sức “Kim cang diên tràng” rất mạnh mẽ. Lời Phật thọ ký mà còn không thể làm lui sụt ý chí ban đầu của ta thay, huống là bọn thiên ma ác đảng, hay trong các hoàn cảnh bức ngặt như nước, lửa, cướp bóc, cường tà, kẻ cả tình ái thê thiếp... trong loài người lại có thể lay động hạnh nguyện của ta được sao?

Có kẻ hỏi: Tôi thấy ở đời có kẻ tu mà không được vãng sinh là tại sao?

Đáp: Ấy là bởi dị kiến mà việc thực hành

không nghiêm túc.

Hỏi: Nếu thế thì công lao ấy tiêu phí uổng mất chăng?

Đáp: Công lao ấy đâu uổng phí, bởi người đó nương nơi nguyện lực của đức Di-đà, nếu đời này không sinh thì đời thứ hai sẽ sinh, đời thứ hai không sinh thì đời thứ ba tất phải vãng sinh. Nếu nhất niệm nhất động đều luôn hướng về Đức Phật ấy thì nhiều đời ở vị lai chắc chắn sẽ được vãng sinh. Đã gọi là “đều được bất thoái chuyển” thì đâu thể không sinh ư? Cho nên biết người được sinh vào cõi nước ấy thì được không lui sụt. Kẻ tu hạnh này tất cũng được không lui sụt, nhưng kẻ ấy sẽ sinh vào các đời sau này thì chỉ uổng là phải chịu nhiều kiếp bị khổ luân hồi, cho nên cần phải quyết chí một đời, đâu nên nuôi chí ở đời thứ hai để rơi vào đời khác mà chắc được vãng sinh sao? Trong trường hợp nếu do nghiệp đời trước khiến nguyện hạnh có phần thiếu sót thì cần phải chuyên một lòng luôn tụng bài chú Đà-la-ni bạt nhất thiết khinh trọng nghiệp chướng đắc sinh Tịnh độ này. Nếu

tụng chú này một biến thì bản thân liền được diệt hết các tội về ngũ nghịch và thập ác. Nếu tụng được mười vạn biến thì sẽ được không quên mất tâm Bồ-đề. Nếu tụng được hai mươi vạn biến thì cảm được mầm móng Bồ-đề phát sinh. Nếu tụng được ba mươi vạn biến thì Đức Phật Di-đà luôn ở trên đỉnh đầu, quyết định sẽ được sinh về Tịnh độ. Bài chú này mà đời thường trì tụng tuy là rút từ bản tạng nhưng tiếng và câu đọc lên có nhiều lầm lẫn. Nay bài chú được truyền lại đây là thời gần nhất do Ngài Tam tạng Pháp sư Sa-la-ba dịch ra, so với các bản khác thì rất rõ ràng. Người tu hạnh Tam-muội này cần nên trì tụng để làm Chánh hạnh trực chỉ. Nay xin phụ lục bài chú ấy như sau:

Nại ma lạt đát nạp. Đặt ra gia dã. Nại ma a lý dã. A di đã bặt dã. Đát đạt cả đát dã. A ra yết đế. Tam mê tam bất đạt dã. Đát đích dã thát. Úm a di lý đế. A di lý đã. Ót ba vĩ. A di lý đã. Tam ba vĩ. A di lý đã. Cát lý bỉ. A di lý đã. Bệ đế. A di lý đã. Đế tế. A di lý đã. Vi yết lan đế. A di lý đã. Vi yết lan đế.

Cả di nễ. A di lý đã. Cả cả nại. Yết lý đế cát lý. A di lý đã. Đôn độ bỉ. Tô oa lý. Tát lý oa. A lạc thát. A đát nễ. Tát lý oa. Cả lý ma. Kiết lý xá. Kiết lý dã. Cát lý. Ta hát.

Cũng gọi là Vô Lượng Thọ Như Lai căn bản chơn ngôn. Thật tinh tấn tưng chú này sẽ mau vãng sinh Tịnh độ.

4. *Chánh hạnh.*

Như trên đã nói hai cảnh y chánh cho đến tinh tấn tuy đều là viên diệu, đều là phương pháp cầu vãng sinh nhưng chưa phải là Chánh hạnh. Sau đây sẽ xin trình bày về ý chỉ của Chánh hạnh.

Nói về Chánh hạnh, thì hành giả khi đã phát chí này thì tất phải khiến thân tâm đều thanh tịnh mà vào đạo tràng. Trước hết cần phải quán sát ta và tất cả chúng sinh ở trong vi trần sát hải khắp hết cõi hư không, luôn ở trong biển cả sinh tử trải vô số kiếp không dứt, trôi giạt đắm chìm trong sáu nẻo không ai cứu giúp, không chỗ quay về. Nếu không khiến họ được hoàn toàn giải thoát thì đâu thể gọi là Chánh hạnh. Do đó mà cảnh oán

thù thân thích đều xem như nhau. Từ các cảnh đó mà khởi tâm Đại bi lớn như hư không, bao trùm rộng khắp. Lại suy nghĩ rằng nay thân ta đây như cục bứu độc ghê lở, là một đồng toàn oán nghiệp. Nếu không dùng thân này mà bố thí cho chúng sinh đều tu hạnh Tam-muội, khiến họ được giải thoát thì trái lời Phật dạy răn, đi ngược với bốn nguyện của ta. Chúng sinh phải chịu bao nhiêu khổ não rất đáng thương xót, ta nay hãy phát tâm như sư tử chúa ra khỏi hang, không cần bè bạn, không cần ai giúp đỡ cất tiếng gầm thét vang động, thu phục tất cả, nhất định không bị bọn tặc ma, ác đảng khiến lui sụt. Khi tâm to lớn như thế đã lập rồi sau đó mới xét kỹ về Chánh hạnh niệm Phật của các Bậc hiền đức thuở xưa. Phải chọn nơi chốn thiên nhiên vắng lặng, chỗ nơi chưa bị như bản trước, phải dẹp bỏ tất cả mọi của cải thì mới có thể làm kẻ ăn xin. Rồi đứng pháp mà kiến lập đạo tràng. Dưới nền thì đắp bùn thơm, phía trên thì treo bảo cái, ở giữa thờ phụng đủ hình tượng ba thân và chín phẩm khiến thật sạch sẽ trang nghiêm. Lại

trung bày các phan phướn hoa hương, các vật cúng dường thật đầy đủ đều phải thật trang nghiêm vi diệu. Sau đó mặc áo đắp y mới sạch sẽ đốt đèn xông hương và trải tọa cụ. Hết thấy bao nhiêu thiện căn có từ vô thủy đến nay, khắp vì chúng sinh mà hồi hướng về cõi Tịnh độ, trang nghiêm hạnh nguyện. Nếu không hồi hướng như thế thì làm sao có được sinh nhân. Do đó ba tâm trọn phát, năm vóc chí thành quán tưởng tướng hảo của Đức Phật, quỳ gối chấp tay, cho đến vận tâm khắp duyên với vô biên sát hải, tất cả chúng sinh và thân này của ta từ xa xưa tới nay luôn trôi giạt không trở lại, thấm thiết đau khổ, buồn thương rơi lệ, mong Phật rủ lòng Từ bi thương xót. Bất giác thân này như tòa núi lớn sụp đổ, kính lạy Tam bảo, tay dâng hương hoa tưởng khắp cùng pháp giới thỉnh mời và khen ngợi công Đức Phật, chí thành kính lạy, phơi bày cả ruột gan phát lồ tội lỗi, tu năm phép sám hối, đi nhiều vòng quanh mà nương về. Rồi ngồi ngay ngắn quay mặt về hướng tây, quán tưởng tướng đẹp của Phật, lại tụng

kinh niệm Phật, ra vào kinh hành ngày đêm đủ sáu thời. Quy định thời khắc luyện tập tu hành, nếu chẳng may nghiệp chướng quá sâu nặng chưa cảm được, lấy chết làm hạn kỳ mà luôn cố gắng mãi, không một khoảng khắc nào nghĩ tưởng đến ngũ dục của thế tục. Nếu chuyên nhất tâm ý như thế mà không vãng sinh thì Đức Phật của chúng ta là kẻ đại vọng ngữ, cho nên thần lực của Tam-muội này như thế. Pháp Tam-muội này chư Phật đều khen ngợi, các Thánh đồng tuân hành. Lần đầu tiên được xưng lên ở Lô Sơn, về sau truyền bá rộng khắp thiên hạ, đời đời truyền nhau càng rộng lớn, đều lấy đây làm chỗ hướng về. Các nghi quỹ của Tam-muội tuy nhiều nhưng chỉ có bản tuyền soạn của Ngài Từ Vân là rõ ràng tóm tắt được ý quan yếu chính chắn nhất. Đây là hạnh cao bậc nhất, cảnh giới rất thậm thâm. Người tu học ở trong đó phải hết sức cố gắng cẩn thận chớ bỏ đây mà theo kia. Còn như căn cơ không bằng nhau, thắng hạnh khó vẹn toàn thì cũng phải ở luôn trong tịnh thất, khiến trong ngoài

thanh tịnh nghiêm túc mà tùy ý lập hạnh, lễ Phật sám hối, mỗi ngày định ra mấy lần phát lồ sám hối, tinh tấn nhất tâm thề rằng không hối tiếc. Hoặc chuyên tụng kinh, hoặc chuyên trì chú, hoặc chỉ niệm danh hiệu Phật cầu được vãng sinh ngay. Hoặc có thể thấu suốt pháp và nghĩa về quán tưởng y chánh của Phật đến khi nào thấy được hảo tướng thì liền biết rằng tội đã dứt và duyên đã sâu, thế nào cũng được sinh vào cõi nước ấy. Như kinh có nói rằng không thể do một ít nhân duyên thiện căn phước đức mà được vãng sinh vào cõi ấy. Nếu có người nghe nói việc trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà từ một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm không tán loạn, khi người này mạng chung thì Đức Phật cùng Thánh chúng sẽ hiện ra trước mà tiếp dẫn, liền được vãng sinh. Cho nên biết việc trì danh hiệu Phật là nhân duyên rất nhiều thiện căn nhiều phước đức. Lại có người chưa thể dứt hết duyên đời nhưng cũng tu các điều thiện ở đời, lại đối với cõi nước Cực lạc mà tin tưởng chắc chắn không chút nghi ngờ, niệm niệm ham

thích mến mộ không hề quên, đối với hạnh trước mà tùy ý tu tập, cả đi đứng nằm ngồi luôn lấy đó làm chỗ nương về, khi tiếp xúc với cảnh thì thấu đạt đến nguồn gốc sâu xa, khi gặp việc hạnh lực đầy đủ phương tiện, đến khi lâm chung chắc chắn là sinh về cõi nước ấy. Song các hạnh này rõ ràng ngắn gọn tuy có nhiều chỗ không đồng nhau, nhưng về pháp lực thì vốn bằng nhau cả. Nhưng vì sự chú tâm có chậm có nhanh cho nên việc ứng hiện của Phật cũng có nhanh chậm. Kẻ tu học không thể không biết việc này.

Lại có pháp môn Từ Vân thập niệm thì vào mỗi buổi sáng, tắm rửa súc miệng xong xuôi, ngồi nơi sạch sẽ yên tịnh quay mặt về hướng Tây, cũng cần nên tu hành, đây mới thật là nhân nguyện bước đầu cầu vãng sinh cõi Cực lạc, tất không thể mất đi. Các hành tướng như trên nghĩa đầy đủ rõ ràng, có thể gọi là nghĩa quá đầy đủ. Có kẻ bảo rằng người ấy đối với việc niệm Phật tuy vận dụng cả thân và miệng, nhưng tâm niệm lại phân tán, không thể tự kiểm chế, vậy phải

làm cách nào để tâm không tán loạn?

Đáp: Cứ nên vận dụng cả thân và miệng mà niệm danh hiệu, đừng chú ý đến sự tán loạn ấy, không nên gián đoạn chút nào thì tự có thể được nhất tâm. Cũng có thể nói là liền gọi là nhất tâm vì chỉ có việc cứ tiếp tục làm mãi không thôi thì chắc chắn không cần phải lo việc tán loạn nữa. Cũng như cha mẹ vừa mất đi đứa con yêu quý, loài rồng mất viên ngọc hộ mạng, lúc đó dù không bắt tâm chuyên nhất thì tâm cũng tự chuyên nhất chú ý vào một chỗ, há lại cố chế phục bắt nó phải chuyên nhất ư? Tâm này vốn không thể chế phục được. Thật ra chính người tu hành chuyên cần hay lười biếng mà thôi.

5. Nói về việc tu Tam-muội của khách giữa đường.

Đạo tràng đã đầy đủ, mọi sự cúng kiến đã bày biện xong, tất cả đều đúng nghi thức, đâu có thể tùy thời mà để luống qua. Thế nên phải căn cứ vào giáo chỉ vận dụng quán tuệ, hiểu rõ diệu cảnh, nương vào tâm cao quý này mà lập hạnh vô tác thì biến sinh tử

tất phải khô cạn, Tịnh độ liền được vãng sinh.

Bấy giờ, có vị khách đến pháp tòa đáng diệu rất ung dung tự tại, tao nhã trọng hậu, ý chí không khiếp sợ, chột lạy xuống mà thưa rằng: “Nay con nhìn xét sự răn dạy của Ngài thì biết vận tâm rất rộng lớn, bao hàm cả căn cơ sâu lẫn cạn, song đều kiến lập đạo tràng khiến mọi sự cúng dường đều đầy đủ, mới an tâm ở chỗ yên tịnh mà nói đến việc khởi tu. Như con sinh sau đẽ muộn thuộc hàng hậu học sau này, căn cơ chậm lụt lại ít học. Từ xưa đến nay trôi nổi hồ hải, phiêu bạt bốn phương, hoặc đến hoặc đi, tuy muốn đến chỗ yên tịnh mà tiến tu, nhưng liệu sức chưa được. Như thế nếu gặp lúc đang lỡ bước giữa đường, không thể nương chốn đạo tràng nhưng cũng cố gắng giữ đủ sáu thời hành đạo, cả Tam nghiệp không sai sót, tụng chú, đọc kinh xưng niệm danh hiệu Phật và lễ sám... tất cả đều đúng nghi thức chỉ cố mong sinh về nước An dưỡng, đồng một thứ với công hạnh ở đạo tràng, bọn chúng con đều tuân giữ đúng đắn. Cúi

mong Ngài mở lòng Từ bi rộng lớn, mở bày ý chỉ chưa được nghe biết, xin Ngài rủ lòng riêng chỉ các phương tiện trước sau.

Đáp: Quý thay câu hỏi, thường người đời khi muốn tu Tam-muội thì đòi hỏi phải đầy đủ cả trăm việc, sau đó mới phát khởi tu hành. Nay theo ý nguyện của ông thì rõ là một loại người xuất chúng. Nếu không có câu hỏi này thì không có dịp tỏ bày hết sự ấp ủ của lòng ta là luôn mong muốn tìm mọi cách để mọi người đều được lợi ích. Bởi vì giáo pháp của Thánh nhân dạy bảo như nước mưa một vị, cả ba thứ cỏ hai thứ cây đều nảy nở tươi tốt, hướng là niệm Phật Tam-muội khắp nhiếp mọi căn cơ. Nay ông nếu quyết chí cầu sinh Tịnh độ thì phải biết trong cả bốn thứ đi đứng nằm ngồi đều là đạo dụng cả, há chỉ riêng hỏi cho khách giữa đường ư? Nếu ông muốn lập hạnh này thì trước hết phải lập tâm không dối lừa, phải ấn dấu đạo đức mà lộ vẻ ngu dốt, phải cẩn thận chớ khoe mình. Đầu tiên phải ở hạng thấp kém nhất để trong ngoài được yên ổn. Kế đó dẹp bỏ các duyên, dứt bỏ mọi

việc và phải tham dự đầy đủ đọc thuộc kinh chú Tịnh độ và năm pháp sám hối khiến thật thông suốt. Lại phải nên tu tập các oai nghi đã làm khiến đều được đoan trang cao nhã như trước đã nói. Rồi chính tâm chân chánh, vận dụng trí đại bi khắp vì tất cả chúng sinh đúng lý mà quan sát rõ về hai cõi sạch nhơ, hai báo vui khổ thật đáng ham thích và nhàm chán. Đối với “phát hạnh” này đã là khách giữa đường, thì chỗ ở không phải một nơi, rày đây mai đó như nước chảy mây trôi. Cho nên không cần phải có đạo tràng trang nghiêm mà chỉ cần một thân tâm thanh tịnh. Việc mặc thì tùy lựa thứ sạch đẹp nhất đang có. Vào ngày lục trai hoặc người khách ở chỗ nào thì chỉ cần cúng dường tối thiểu một nén hương một cánh hoa nhỏ cũng đủ lắm rồi. Cúng dường Tam bảo là cốt biểu hiện có việc cúng thí. Ở trước Tam bảo quỳ gối kính lạy chí thành, lập nguyện rộng lớn thề quyết không lui sụt, quyết lấy ngay đời sống này làm kỳ hạn nương về, lại không hối tiếc giữa chừng. Dầu không có đạo tràng trang nghiêm thì

nên lấy ngày đó làm ngày đầu tiên cho đến khi thở hơi cuối cùng, mỗi ngày đều đủ sáu thời tu hành pháp này, dù hương đèn có hay không cũng không bắt buộc lắm.

Hỏi: Tam-muội thì cần phải nhất tâm mà sự việc của con người thì đa đoan muôn mối. Như thế thì làm sao tu hành, vì Phật sự và thế sự đâu chẳng ngăn ngại nhau?

Đáp: Như chim bị bắt nhốt trong lồng, thân tuy ở trong lồng nhưng tâm chim luôn nghĩ nhớ đến rừng cây đồi núi bao la, rõ ràng hai thứ không ngăn ngại nhau, bởi lồng chỉ có thể cầm giữ được thân chim mà không thể nào trói buộc được ý chí muốn bay thoát. Vì sự việc chỉ trói giữ được thân chứ không thể ngăn giữ được chí nguyện cầu vãng sinh. Đó gọi là ba cõi như lồng, thân này như chim, ý muốn bay thoát là nguyện vãng sinh, vườn rừng đồi núi bao la chính là Tịnh độ, cho nên biết vọng duyên dù có muôn mối nhưng không ngăn ngại được chân tâm. Huống gì đối với khách giữa đường, việc người khác ít bị quấy nhiễu, tự mình lại không can dự việc người để thân

tâm được thản nhiên như như, như thế thì mới là tiến tu tốt đẹp vậy.

Hỏi: Pháp môn tiến tu thì có thứ lớp, mà hạnh nguyện thì lại quanh co nhiều nỗi, làm thế nào để khiến kẻ tu hành chúng con gặp việc mà không lầm?

Đáp: Ngày chia làm ba thời, đêm cũng ba thời, luôn cố định không đổi khác, đó là thứ lớp. Nay khách ở giữa đường thì vào buổi sáng sớm trong ngày, nếu ở nơi nào có tượng Phật, hoặc tượng do mình mang theo, nên đối trước tượng mà miệng đọc thân lạy, hoặc tụng thầm mà lạy. Nếu không có tượng Phật thì nên đối với quyển kinh, hoặc quay mặt về hướng Tây xa trông mà lạy, chỉ trừ hướng Đông ra còn tùy các hướng khác mà tiến tu kính lễ đúng nghi thức như ở chốn đạo tràng. Hoặc có lúc đang đi giữa đường, đang ngồi trên tàu thuyền hoặc gặp các việc bất đắc dĩ khiến thân không thể động dụng được nhưng cũng cố tâm không phé bỏ, thì tức là Phật sự và thế sự cùng vận động vậy. Lại nên nghĩ rằng làm việc ở đời là cốt để nuôi thân, mà

thân ta hành đạo thì công kia đâu có uổng phí bỏ đi, thì liền đồng thể với Tam-muội.

Hỏi: Con thường nghe nói tâm không có hai dụng, nếu được một thì mất một. Vậy làm thế nào để hai việc cùng vận động?

Đáp: Ông không nhớ thí dụ về lòng và chim đầy sao, đã quá sáng tỏ rồi còn gì. Vả như nhất tâm mà không hề ngăn ngại gì mắt thấy tai nghe, thân làm tâm nhớ, ứng dụng nhiều vô tận, đâu phải chỉ là hai việc. Dụng đã vô tận thì phải ngay trên tất cả động dụng mà nhất tâm trì tụng một quyển kinh Tiểu A-di-đà, hoặc thượng phẩm, hoặc chương Thế Chí của kinh Lăng-nghiêm và tụng chú Tịnh độ, hoặc ba biến, bảy biến hoặc trăm biến trở lên, hoặc xưng niệm danh hiệu Phật ba trăm, năm trăm đến cả một ngàn hay niệm hoài không kể số để làm sám lễ Phật sự. Hồi hướng xong rồi thì mới nhập sám hồi. Về nghi thức lễ sám xin trích đủ trong sám Từ Vân nghi, đầu tiên là cung kính tất cả, kế đó lễ Tam bảo, xông hương tán dương Phật, lễ bái, sám hồi cho đến đi nhiều, quy y... tất cả đều phải theo từng tiết,

từng đoạn của văn nghĩa mà quán tưởng thân này đối trước Phật và Tịnh độ. Hoặc đối trước hình tượng Phật trong đạo tràng mà quỳ lạy chiêm ngưỡng, đi nhiều... tất cả đều rất sáng suốt tinh tảo, không để bị hôn trầm hoặc tán loạn. Khi lễ xong thì quán tưởng Phật và tướng lông trắng giữa chạn mây v.v... tùy sức mà nghỉ ngơi. Do đó như trước đã nói, các việc tụng kinh niệm chú, xưng danh hiệu Phật và hồi hướng xong rồi thì mới coi là hết một thời khóa lễ của buổi sáng. Vì tướng lễ này đồng nhất với việc hành pháp trong chốn đạo tràng, chỉ có thêm việc thân lạy là khác. Lại còn việc đọc tụng ra tiếng thì tùy trường hợp người, cảnh xấu tốt mà khinh trọng khác nhau, âm thanh vừa phải, giọng đọc trầm hùng thanh nhã, khiến các quý thần, người khuất mặt đều được nghe. Cần nhất là không nên cùng người chuyện văn nhiều, lại trước khi làm việc, đối trước Phật mà thắp một nén hương. Nếu không được thì nhúm lấy một chút vật thơm rồi đâm nát ra để làm hương. Đến giờ sám lễ thì chỉ nghĩ tưởng cũng

được, thì giờ còn lại thì nên ngồi riêng, đi riêng một mình, tránh xa chốn ồn ào náo nhiệt hoặc dùm đầu ba hoa bá láp, chọc gheo đùa giỡn, cười cợt ca hát, ngâm vịnh làm thơ, viết vẽ... khiến người quên mất các việc chánh niệm. Đó là phần Phật sự của đầu ngày, còn ba phần giữa ngày, cuối ngày và trong đêm thì cũng thế. Đó là sáu thời hành pháp. Khi tụng niệm trong đêm thì người yên cảnh lặng, cách dụng công tu tập tất khác với ban ngày. Kẻ tu hành đã vì “sinh tử đại sự” há lại biếng lười mặc tình mê ngủ. Dầu có gặp lúc nóng lạnh quá lắm cũng phải cẩn thận chớ có cởi áo, phải mặc pháp phục và chuỗi hạt cần phải để gần bên mình, khăn tay, thau nước sạch không rời xa chỗ ngồi để khi cần thiết thì mọi thứ đều có sẵn. Lại phải quán sát xem tín căn của người ấy sâu hay cạn để khởi quấy rầy người, khiến họ chán nản. Khi không có gì trở ngại thì nên đọc tụng thành tiếng nhỏ nhỏ êm dịu như tiếng đàn cầm đàn sắt, nhỏ mà trầm hùng, lúc lớn thì không the thé khiến cho trời thần hoan hỷ giáng hạ hộ trì,

các loài quý và súc sinh nghe được thì liền giải thoát. Như thế thì công của mình mới càng sâu. Nếu đang ở trong tàu thuyền hoặc ở trên gác hẹp nhà người khác, thì đều phải xét cảnh người, một lòng tinh tấn, dùng mọi phương tiện khéo léo để làm hết sức mình. Điều cần yếu ở trong đó không nên nêu lỗi nói xấu người khác. Lại cũng không nên quá tán thưởng tâng bốc nêu toàn việc tốt của người. Dầu khi rảnh rang và gặp chỗ thuận tiện hoặc gặp phải nhiều việc nhiều người làm trở ngại thì cũng phải luôn luôn chọn nơi vắng vẻ, ngồi ngay ngắn xoay mặt về hướng Tây chấp tay sát ngực niệm ra tiếng hay niệm thầm tùy nghi mà tưởng lễ như trước, không khác gì khi làm việc cả. Lại như khi làm việc, việc xong rảnh rang cũng không bắt buộc phải sám lễ nhiều ít, cho đến một câu tụng, một lạy chưa trọn vẹn thì vẫn cứ liên tiếp đọc tụng cho đến khi ở trước Phật thân lạy được đầy đủ trọn vẹn. Nếu khi đang nghiêm túc lễ Phật nhưng gặp việc quá gấp gáp thì cũng không cầu nệ lễ sám được nhiều ít, cho đến một câu, một

lạy chưa trọn vẹn thì tùy việc làm, nơi ở mà dùng tượng lễ thì cũng coi là đầy đủ. Điều cần thiết là không thể vào sám lễ chưa nhiều mà lại bắt đầu làm sám lễ nữa. Và lại tượng lễ của người khách này phải bỏ ngang là vì bất đắc dĩ, bởi không thể trong lúc có thời gian nhàn rỗi mà lại dùng tượng lễ để thân biếng lười. Lại cũng không nên dùng tượng lễ này trong khi làm việc để khi rảnh rang thì lại ngồi không. Đối với kẻ lòng tin còn cạn cợt thì chớ vội vàng khuyên tu, còn với kẻ lòng tin đã sâu chắc thì lại không thể không kín đáo giải bày khiến họ tự bằng lòng. Lại chớ nên kể công hóa độ là thuộc về mình như chúa xuân nuôi lớn muôn vật nào kể công lao. Kẻ kia nương vào đạo tràng mà tu hành thì gọi là hành dễ dàng trong thuận cảnh, còn kẻ làm khách giữa đường mà tu thì gọi là hành dễ dàng trong nghịch cảnh. Nếu lấy hành dễ dàng trong nghịch cảnh mà sánh với hành dễ dàng trong thuận cảnh thì cách xa nhau như trời với đất, vì hành dễ dàng trong nghịch cảnh thì công hạnh càng nổi bật.

Hỏi: Tượng lễ này cùng với thân lễ có đồng nhau chăng?

Đáp: Ông há không nghe Tam nghiệp thì ý là chủ của thân và ngữ, chủ đã chú ý nghĩ tượng đâu thể không bằng thân, ngữ. Lại như trong việc sám lễ vận niệm ý chỉ, hương hoa và thân tâm này đến khắp mọi nơi, há chẳng phải cũng chỉ là niệm tượng? Nay căn cứ vào đây thì biết.

Hỏi: Nếu thế thì chỉ cần tâm tượng lễ mà không cần phải vận dụng thân khẩu chăng?

Đáp: Ý nghiệp dù hơn nhưng nếu đủ cả thân khẩu nữa thì gọi là Tam nghiệp viên tu. Cái nghĩa tụng thầm thì cũng căn cứ vào đây mà biết. Lại luôn dùng tượng lễ này để thay lấp vào các thời gian nhàn rỗi thì hạnh kia sẽ càng mạnh mẽ.

Hỏi: Ngoài sáu thời hành pháp ra thì dụng tâm ra sao?

Đáp: Hoặc là quán tượng tướng hảo của Phật, hoặc trì chú, tụng kinh, xưng niệm danh hiệu Phật, đánh lễ, v.v... các hạnh, niệm niệm không rời thì vãng sinh chắc

chấn. Giống như người đi đường hễ bước nhanh thì đến sớm, bước chậm thì đến trễ, phải nên dụng tâm như thế. Nếu người thân tâm có sức yếu kém, không thể tu hành pháp đầy đủ sáu thời mà chỉ quy định một số thời khắc về kinh sám, mỗi ngày chỉ ba hoặc năm thời nhưng không nhằm chán quá nhiều cũng không thêm hay bớt trong nhất thời làm sửa đổi hạnh đã lập.

Hỏi: Thuyết về niệm Phật Tam-muội cho khách giữa đường rất viên dung, thứ lớp ít được nghe trên đời. Nếu thế thì số người này không cần phải nương vào đạo tràng mà tu ư?

Đáp: Như người rơi xuống biển tìm kiếm thuyền chưa gặp, chợt gặp được khúc gỗ ngang, thì liền bám lấy để được vào bờ. Nay há đã không có thuyền lại bỏ khúc gỗ ngang để mà chết chìm ư. Huống lại việc đi hay ở trong khi làm khách là tùy ở chủ thích hay chán. Khi đã được vô quái ngại thì có thể không cần dụng công tiến lên nữa.

Như trên là nói về việc tu Tam-muội của khách ở giữa đường. Thứ Tam-muội này thì

cảnh giới thậm thâm, công năng rộng lớn rất hợp với diệu tâm chư Phật, khen ngợi mãi vẫn không cùng tận. Trong bốn thứ Tam-muội thì gọi đây là phi hành, phi tọa Tam-muội cũng gọi là Tam-muội tùy thuận bốn oai nghi, chính là bao trùm các căn cơ lớn, còn các hàng trí nhỏ căn thấp thì tùy phần của mình mà nhận được lợi ích nhiều ít. Vì Tam-muội này mà so với ở chốn đạo tràng thì hoặc chỉ thiếu thân lễ, còn các nghi thức khác thì đều đồng nhau. Nay ông nên tinh tấn thọ trì Tam-muội này, một chí hướng về Tây phương, cần nhất là không nên dần dà mà phải kẹt vào sinh tử, đúng theo trên mà tự lập làm Chánh hạnh. Ta lại xét người đời nay, kẻ nào có chí với đạo này khi vừa nghe nói dễ thì liền tưởng dễ dàng rồi vọng gọi mình đã được chứng. Nhưng khi nghe nói đạo này khó thì liền lui sụt mất hết ý chí. Dầu cho kẻ có tín tâm tha thiết, nhưng lại lạc vào trong rừng rậm tà kiến, lại lén truyền thọ cho nhau làm mê hoặc nhiều người. Những pháp truyền trao ấy muôn hình vạn trạng đến cả những điều chưa từng nghe

thấy bao giờ, các thứ đó luôn trói cột tâm người khiến họ phải tự cho là đúng nên các phi hạnh phát triển lớn dần lên, thế là cả đám thầy trò đều bị đọa, há được kẻ có chánh tâm như ông hỏi điều thiết yếu.

Khách kính lễ thưa rằng:

-Từ xưa con đã phiêu linh lưu lạc, lắm nỗi gian truân, mỗi khi nghĩ đến sinh tử vô thường muốn tu mà chưa thể được vì mãi phải lo việc nuôi thân miệng, luôn ân hận là không được dịp khởi tu pháp hạnh ở chốn đạo tràng. Nay do duyên may đời trước mà được nghe lời dạy bảo quý báu này, thật như chất cam lồ rót xuống đánh đầu, mát mẻ thấu xương. Nay con dám xin hứa chắc quyết chí thọ trì bắt đầu kể từ hôm nay, như kẻ lấy oán làm thân không còn chút oán hận nữa. Từ đó mà thân tâm buông bỏ quên hết như trút cả gánh nặng, tự tại thản nhiên, nguyện đời đời kiếp kiếp tuân giữ thọ trì, dầu chết chứ thề không lui sụt, mong tất cả bạn tri âm cùng biết rõ, dầu ở tại đạo tràng, dầu đang là khách giữa đường, trong hoàn cảnh thuận hay nghịch thì đạo dụng vẫn vô

ngại, đồng thành Tam-muội. Đó gọi là vận may lớn cho tất cả quần sinh, đó chính là điều mừng to cho kẻ học Phật. Khi đã tu cách này thì biết rằng mọi việc đua chen thế sự, trôi giạt bốn phương, buôn bán nhọc nhằn, ở nơi lữ điếm quán chợ, trao đổi mang vác, trăm công ngàn việc kỹ nghệ chế biến... cả trai gái già trẻ, tôi tớ huỳnh môn bị người sai khiến không được tự tại trong mọi lúc đi đứng nằm ngồi, ăn cơm, mặc áo, nói, nín, động tịnh v.v... kẻ cả đang bị giam cầm tù tội hay đang ở giữa chốn ồn ào đầy sự mừng giận buồn vui, chưa có lúc nào là không tu được. Huống chi là bốn chúng xuất gia, bốn hàng tại gia, có chỗ để ở, có thời rảnh để tu, những mong ước đều đầy đủ lại được tự tại, sao không tiến tu hạnh ấy?

Khách lại thưa: Nay con nghe nói cõi Cực lạc cách xa đây đến mười muôn cõi Phật, xa quá là xa. Lại nghe nói những người được sinh lên cõi ấy phần nhiều là hàng Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, thẹn mình không thể theo kịp. Vậy phải làm sao?

Đáp: Đám người ấy đâu biết rằng như trên đã nói cả mười phương cõi hư không đều là tâm ta. Tâm đã tịnh thì dầu mười muôn cũng nào xa, nhưng tâm không tịnh thì dầu trước mắt cũng không gần. Nếu căn cứ vào tâm tịnh thì cần gì phải tính toán đường gần xa. Cũng như chỉ trong giấc ngủ ngắn ngủi mà mơ thấy mình đi ngàn dặm đâu thể lấy thời gian bình thường mà so sánh được. Theo lý thì có cõi nước có thể sinh, nhưng quyết là không nên bảo rằng hễ tâm tịnh thì được, càng không cần phải sinh về cõi ấy vậy.

Khách lại kính lễ thưa rằng:

- Con nguyện kính vâng lời dạy bảo. Lại thưa khi mới nghe nói những điều chưa từng nghe ấy, con ngỡ rằng chính tự ý Ngài rủ lòng thương dạy bảo. Nay được nghe tên Tam-muội mới biết đó chính là Thánh điển thật thích hợp với mọi cơ nghi, rõ ràng như thanh thiên bạch nhật. Có thể gọi đây là lời dạy răn cho kẻ hậu học, đâu phải chỉ riêng dạy cho con thôi. Cho nên con xin ghi chép nhớ kỹ để làm bài học đời đời cho kẻ hậu

lai. Vậy kính mong Ngài thương xót chỉ rõ về pháp môn Chánh hạnh tu hành ở chốn đạo tràng trước sau cặn kẽ, để khắp lợi ích cho đời này thì là một vận may rất lớn vậy.

Ta bảo: Tốt lắm, ta sẽ hết lòng cùng ông mà trình bày với họ pháp môn ấy. Khách cung kính cáo lui. Người khách này tên là Hạnh Nhất, tên tự là Chí Tây, tự bảo ông đã từng đọc sách Vạn Thiện Đồng Quy của Trí Giác thiền Sư đến thuộc lòng. Về sau có đến Lô Sơn, thấy được di tích của sơ tổ là Viễn Công, nhân đó mà phát nguyện niệm Phật.

6. Nghi thức tu Tam-muội.

Pháp môn niệm Phật Tam-muội là việc kiến lập đạo tràng thật trang nghiêm và các nghi thức cúng dường cùng sắm sửa y phục giày dép, giặt giũ tắm gội, cách ra vào các cửa, các phương tiện của chánh tu, thiền, tụng, sám lễ v.v... các phép tắc đều thanh tịnh, đầy đủ như trong văn sám nghi của tôn giả Từ Vân, đâu không cần nhắc lại đầy đủ.

Đúng ngày quy định thì nên trước đó bảy ngày phải cố sắp đặt mọi sự cho thật

hoàn hảo. Trước hết phải khiến thân tâm yên định, quyết mong sám hối thật hết sạch các chướng bên trong thì các hạnh được viên mãn. Ngày khởi tu đầu tiên phải thuộc ngày lục trai. Lại trước ngày quy định ba hay bảy ngày thì trước tượng Phật, tất cả hương hoa, nước sạch v.v... đều phải cúng dường thật cẩn thận đúng nghi thức, vì có chư Phật và các trời giáng xuống trước để làm trang nghiêm nơi chốn ấy để dẹp trừ các chướng ngại như ma quái, dơ bẩn xấu ác khiến người tu hành ở trong đạo tràng thành tựu được Tam-muội, cho nên phải đối với đạo tràng này mà nghĩ là Tịnh độ, là chỗ giải thoát, là nơi quý báu, nghĩ tưởng quyết được vãng sinh, không nên xem thường. Lại phải quán ngược lại cõi thế gian này khổ vô cùng, một khi lánh xa được chỗ oán thù, tai họa thì không bao giờ dám chui vào nữa. Lại cũng không nên chắt chừa trong tâm những việc rắc rối khó bỏ hằng ngày. Vì khi còn nghĩ nhớ việc khác thì sẽ làm chướng ngại ngay khi sám lễ, khiến thắng hạnh không tiến được, uổng phí bao công lao, e

rằng khó gặp lại. Nên nghi thức dậy rằng không một khoảnh khắc nào nghĩ đến ngũ dục ở đời.

Số người tu nên lập thành nhóm khoảng mười người trở lại, không nên nhiều hơn. Khi tu thì cần nên xét chọn xem ai có thể tu được, bằng cách nhìn xét việc sinh hoạt đi đứng hằng ngày không có lỗi làm gì lớn lắm hoặc tín căn đôn hậu, lìa hết các bạo ác nóng nảy vội vàng, nói năng hòa nhã, sống có khuôn phép đoan trang, chịu sự kèm thúc của người khác. Cốt chỉ vì đại sự sinh tử mà không buồn tiếc, chỉ giữ lòng khiêm tốn để cùng tu học. Nếu không phải hạng người ấy thì chỉ khoảng ba, bốn người cùng tu cũng tốt. Nếu chỉ riêng tu một mình thì lại rất quý, nhưng phải luôn cảnh giác xét nét từng ly, không khéo lại phá hoại phép tắc, làm náo loạn sự thanh tu.

Nếu ở trong chúng có nhiều người thì phải suy tôn một vị đức hạnh cao quý thuần thực, hoặc thỉnh riêng một vị làm bậc mô phạm lâu dài để làm tôn chủ cho phương đẳng đạo tràng, làm chủ sự cho

việc sám lễ, khiến cả đại chúng học chung một nghi lễ, hoàn toàn nghe theo sự hướng dẫn của vị ấy. Trong khi tu tập Ngài có thể thị hiện các tướng thuận nghịch mà không thấy có lỗi lầm, người này cũng hay tự xét mình, khiêm cung từ tốn, hoặc tới cùng tu chung với đại chúng hoặc không. Về nghi thức lễ tụng thì hoặc lạy hoặc quỳ hoặc ngồi hoặc đứng xoa thủ hoặc chấp tay, cung kính đi nhiều, tất cả đều phải đoan nghiêm trang trọng, bung tai nhắm mắt để khỏi nghe thấy mọi việc, chú tâm vào một cảnh. Nếu chưa thấu suốt phải trình hỏi các bậc lão thông đi trước. Phải hết sức thận trọng chớ nên tự ý sức mình khiến lay động cả thân tâm, hoặc dựa cột dựa vách. Tuy có đông người tham dự việc tu tập, nhưng trước đó một đêm mọi người phải giặt giũ tắm gội sạch sẽ, thay đổi y phục giày dép v.v... sám sửa đạo cụ đúng nghi thức. Khi vị sám chủ đánh khánh ra lệnh tập hợp rồi hướng dẫn toàn chúng cùng vào đạo tràng chỉ trừ hai vị hộ đàn ở ngoài, còn tất cả đều phải vào trong. Sau đó tất cả đều đi quanh khắp để

dâng hương, xong rồi ai nấy đứng vào vị trí tu sám của mình, cùng lạy Phật ba lạy để cầu Phật cảm giáng. Lễ xong thì đi nhiều quanh rồi đứng yên vào một chỗ. Bảy giờ, vị sám chủ từ trong chúng bước ra đọc một bài văn tán Phật và tán thủy để cầu mong Tam bảo gia hộ chứng minh, khiến lúc chánh tu không bị ma, không bị chướng, quyết định sinh Tịnh độ. Khi cầu nguyện xong thì liền đọc bài tán khen ngợi chánh pháp sáng suốt thời quá khứ, kể tụng bảy biến chú Đại bi, bảy biến chú Như ý luân, bảy biến chú Tỳ-lô quán đảnh. Khi vị sám chủ cất tiếng đọc chú thì tay bung chén nước hơ qua hơ lại xông trên lò hương. Lâu khoảng đọc xong vài bài chú rồi mới đưa lại cho người đứng bên tay phải của mình. Lại làm như thế với cát, với hương và hoa. Người đứng bên phải cũng làm như thế, lần lượt đến ba vòng. Sau khi tụng hết ba loại chú trên thì tụng lại chú Đại bi và đi nhiều chung quanh giới đàn và sám tịnh. Ở mỗi chỗ đi qua phải khêu sáng đèn để soi đường, kẻ đó cầm chén nước mà rải để sám tịnh, sau đó

bung mâm cát cũng rải đều, tiếp đó bung lư hương mà xông, sau cùng thì tùy chỗ mà rải hoa. Vị lãnh chúng dẫn toàn chúng từ Phật tòa đi vòng ra sau. Trước hết đi vòng quanh bên hữu trong đạo tràng mà xông hương sái tịnh đầy đủ ba vòng, sau đó lại rải nước và cát đều khắp. Sau đó mới dẫn chúng đi ra khỏi đạo tràng đến nhà phóng sinh, sau đến thiền duyệt đường cũng đi vòng quanh đó một vòng, lại xuống đến nhà trù nhà tắm giặt, nhà vệ sinh, nhà ngủ, chỗ dạo chơi và các đường chính yếu. Phàm khi đi đến một chỗ, một nhà nào thì phải đi vòng quanh đó một vòng để xông hương sái tịnh. Làm lễ sái tịnh để phân ranh giới, đó gọi là kết giới. Kinh nói “giới như tường thành Kim cang” nên phải tuân theo ý đó. Còn việc rải cát là có ý đổi đất thành Tịnh độ, tức kết thành địa giới vậy. Việc rưới nước tức có ý xóa bỏ bờ cõi dơ bản não động tức kết thành giới hạn của bờ cõi vậy. Việc xông hương là ý muốn đám mây hương kết thành bảo cái che trên khoảng không, tức kết thành hư không giới vậy. Về việc rải hoa là

có ý chỉ rõ sự sạch đẹp tươi sáng, tức pháp giới trang nghiêm vậy. Tất cả các dụng pháp trên đều do Thánh chủ đại bi của chúng ta và sức của thần chú gia hộ, cho nên cát và nước đến đâu thì ở đó là cõi báu của Phật. Do nhân duyên đó nên tà ma không thể vào, ngoại đạo không thể phá và pháp môn Tam-muội của chúng ta có thể thành tựu vậy. Lại giới tướng này phải cẩn thận chớ phá. Nếu phá giới tướng này là điều không tốt, vì sẽ khiến đạo hạnh của toàn chúng khó thành, bị nhiều chướng ngại.

Sao gọi là giới tướng? Giới tướng có hai là nội và ngoại. Nội giới tướng tức bốn phương bờ cõi của đạo tràng tu sám vậy. Ngoại giới tướng tức là tám phương bên ngoài của nhà đất, tức nơi nào có rải cát và nước vậy. Người ở bên trong khi ra đến ranh giới của ngoại giới thì dừng lại. Nếu vượt khỏi ranh ấy tức là phá giới. Người bên ngoài khi vào đến ranh nội giới thì dừng lại, nếu bước vào bên trong ranh ấy thì gọi là phá giới. Hoặc người làm việc chỉ

cần tay chân hay vạt áo lọt vào bên trong màn rèm của nội giới dù một phân thôi thì cũng gọi là phá giới. Hoặc người ăn mặn, xấu ác dơ bẩn mà bước vào ngoại giới chỉ khoảng một thời gian rất ngắn thì cũng gọi là phá giới. Điềm phá giới là điều rất xấu nên biết. Nếu đúng theo ý chỉ của kinh thì phải tạo dựng lại đạo tràng và phải làm lễ sám hối lại thì mới bỏ được tướng phá giới. Người tu hành cần nên e dè sợ sệt.

Có người tùy theo thân tâm không đủ sức hành trì hoặc tu tập đầy đủ pháp hạnh này, như có kẻ chỉ muốn tu năm thời thì có thể bỏ bớt thời tu giữa ngày. Nếu muốn tu bốn thời thì bỏ bớt thời giữa khuya. Nếu muốn tu ba thời thì bỏ bớt thời buổi chiều tối. Còn nếu chỉ muốn tu hai thời thì phải tu hai thời sáng tối.

Lại người tu hành tùy ý mình mà lập hạnh, nhưng sau khi lập hạnh đã định rồi thì không sửa đổi nữa, sửa đổi chỉ nên tăng thêm chứ không được giảm bớt. Dầu khi có bệnh hay gặp việc quan thì cũng phải tương niệm, há có thể tùy ý mà siêng hay lười,

hoặc lúc hăng hái mạnh lên, lúc lại bỏ phé, hoặc sáng mới lập thì tôi liền sửa lại, khiến Chánh hạnh không thuần nhất.

Nay ai muốn tu đạo này thì trước hết cần phải giữ đúng phép tắc niệm Phật và các thứ kinh sám thân chú về Tịnh độ v.v... trước sau sắp đặt đầy đủ, ít nhiều tùy ý nhưng phải thật yên ổn cố định chắc chắn, phải năm lần bảy lượt xét thật kỹ xem ta có thể thật hành được không. Cũng như có người muốn lội qua sông phải xét kỹ bờ nước xa gần, sâu cạn để khỏi phải lâm nạn, chết chìm rồi mới nhảy xuống lội. Kẻ tu hành cũng thế, phải xét kỹ chính mình siêng hay lười, phép quán là rộng dài hay ngắn gọn rồi mới bắt đầu tu. Chớ nên nhân một lúc hăng hái bông bột mà lập nguyện rồi sau đó liền bỏ. Lại cũng không nên chỉ có tụng trì mà tâm không chuyên chú. Như người bắn tên nếu tâm chuyên vào một chỗ thì ắt trúng đích. Pháp môn niệm Phật cũng thế. Nếu hạnh đã thuần, tâm chuyên nhất thì ứng theo niệm mà được sinh, bấy giờ tự tại rong chơi chốn Cực lạc, chỉ trong một niệm mà

đạt được nhiều công đức khó lường.

7. *Nêu bày sức hóa độ chúng sinh của Phật.*

Từ trước chỉ nói về các thứ phương tiện của các chúng sinh khởi tâm tiến tu, tâm cầu mong vãng sinh về cõi trên mà không biết được nguyện lực hóa độ chúng sinh của Đức Thế Tôn chúng ta, có đủ mọi thứ phương tiện không đâu không có mặt, hơn gấp trăm ngàn vạn lần tâm của chúng sinh mong cầu được vãng sinh, không thể lấy gì làm thí dụ để so sánh được.

Như kinh đã nói Đức Phật Di-đà từ bi sáng rõ chiếu soi khắp pháp giới, làm nơi cứu hộ lớn, khắp che chở tất cả chúng sinh khiến họ không đọa lạc. Nguyện lực từ bi của Đức Phật Di-đà cùng khắp pháp giới làm nơi thu nhận lớn, khắp tiếp dẫn tất cả chúng sinh khiến họ không sa đọa. Thân âm, nhập, giới của Đức Phật Di-đà khắp đồng pháp giới khắp chỉ bày cho tất cả chúng sinh khiến họ hiểu rõ giác ngộ không còn lui sụt. Thế nên tất cả chúng sinh ở khắp mười phương thế giới đều được

nguyện lực của Đức Phật Di-đà chúng ta hộ trì che chở khác nào mẹ hiền yêu thương con thơ, luôn ôm ấp bông ẵm cho bú mớm không để chúng lãng quên. Cha mẹ dầu có thương con thơ nhiều lắm cũng chỉ trong một đời hể hết báo thì xong. Còn Đức Phật nghĩ nhớ chúng sinh đời đời không hề bỏ. Vì ý nghĩa đó nên với đại nguyện của Đức Phật, chúng ta chỉ cần đọc danh hiệu Ngài một lần là được tiêu hết tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Ý chỉ này rất đáng tin, bởi vì nguyện lực của Đức A-di-đà chúng ta luôn ở trong thế gian để cứu khổ cho chúng sinh. Nếu chúng sinh hay nhớ nghĩ đến Ngài thì Ngài đâu không ứng hiện nhanh chóng. Cũng như bà mẹ hiền kia cứu đứa con thơ ra khỏi nạn nước lửa, đâu có đợi đứa con kêu cầu. Nếu đứa con mong cầu thì mẹ càng thương xót bội phần, chỉ vì chúng sinh trải bao nhiêu kiếp rong chơi trốn đi, tự cam chịu mát mát sự cứu độ nên thật khó cứu đó thôi. Dầu cho kẻ tạo đủ tội ngũ nghịch, tâm đầy mười ác, chê bai, nói dối, thuyết pháp lừa gạt, không tội nào chẳng

làm. Khi mạng chung đáng lẽ đọa vào địa ngục A-tỳ. Khi tướng hiện ra thì người này tất là phải đọa vào địa ngục, nhưng nếu người này gặp được bạn lành khuyên bảo nên niệm danh hiệu Phật. Người này dầu bị các khổ bức ngặt nhưng trong một niệm hồi cải, có thể niệm đến mười danh hiệu, còn có thể biến tướng địa ngục thành cõi Tịnh độ mà được vãng sinh. Nếu người này từ đó mà quán hạnh trang nghiêm và dẹp bỏ tất cả ác nghiệp đã tạo từ trước, đâu chẳng ứng nghiệm tức khắc. Trong dụ có nói xưa có người quá sợ cọp bèn leo tuốt lên cây, nhân lúc thất thanh chỉ niệm có ba tiếng “Nam-mô Phật”. Về sau được gặp Đức Thích-ca mà đắc đạo. Huống chi người ấy lúc mạng chung bị các khổ ép ngặt mà mạnh dạn cố gắng niệm được mười niệm mà không được cảm ứng rõ ràng sao?

Hỏi: Con nghe nói nguyện lực của Đức Phật A-di-đà biến khắp mọi nơi. Nay xét lời nói này thì chỉ thấy cứu được người sắp bị đọa vào địa ngục và người chưa mệnh chung thôi. Còn người đã chết hay đọa rồi thì hình

như không cứu được. Nếu không cứu được thì biết được nguyện lực của Đức A-di-đà và của chư Phật đâu có ở khắp nơi?

Đáp: Ông đâu chẳng nghe rằng các pháp sinh ra chỉ do tâm mà hiện. Tất cả nhân quả của vi trần thế giới, nhân tâm mà thành thể. Nếu biết rằng các pháp còn không lìa tâm chúng sinh thì đâu lại lìa bản thể Di-đà mà nguyện lực không có mặt khắp nơi ư.

Hỏi: Nếu thế thì tại sao người ở địa ngục nhiều kiếp chịu khổ chưa nghe có ai được cứu thoát?

Đáp: Ông phải nên nhìn xét hiện nay ở các quán chợ, các cửa hàng giết bán thịt, lừa các sinh vật vào đó mà giết ngày đêm không nghỉ, chưa từng nghe kẻ nào ngừng giết hại. Nhân giết hại đã không thể ngưng thì báo ở địa ngục cũng đâu có thể cứu. Song việc giết hại là ở họ mà quả báo là ở mình, chỉ có điều là nhân quả khó trốn thoát thôi. Đâu phải là nguyện lực của đức Di-đà không khắp mà địa ngục không cứu thoát được. Ví dụ như có người đã từng biết kinh nghĩa hợp với diệu tâm của Phật nhưng với

các nghiệp ác thân ba, khẩu bốn v.v... vì do tiếp nối thói quen nhiều đời trước không thể diệt trừ. Nhân vì không thể diệt trừ các ác nghiệp nên khi người ấy sắp mạng chung thì không gặp được bạn lành đề cao khuyên niệm Phật nên phải đọa thẳng vào địa ngục. Ở trong địa ngục chịu vô số khổ não, nhưng tuy chịu các khổ mà nhân lành kia không mất nên đối với các sự khổ não đều hay quán chiếu suy xét, gặp cảnh thì biết tâm. Đã biết là tâm thì cũng biết chúng sinh và Phật là một thể. Vì là một thể nên biết mình là thân Như Lai vi diệu thanh tịnh. Do biết rõ được chúng sinh và Phật là một cho nên ngay lúc người ấy đang chịu các khổ hình thì tất cả chỉ như việc chiêm bao. Vì hiểu rõ tướng khổ kia tức là Bồ-đề. Tâm này thuần thực vì không hề làm lần cho nên cái báo bắt người ấy phải chịu khổ dữ dội nhiều kiếp trong địa ngục thì liền rút ngắn và được nhẹ ngay. Người này tuy phải chịu các khổ hình nhưng lại được tướng không khổ, lại khởi tâm chịu khổ thay thế cho chúng sinh, thế nên không mong cầu ra khỏi địa ngục.

Vì sự diệu giải này hợp với tâm Phật này nên người ấy xưa kia từng cúng dường chư Phật cho đến từng đối với hình tượng mà quy kính Phật và từ các quyển kinh mà tin hiểu Phật. Hoặc nghĩ nhớ tướng cơ cảm của Đức Di-đà mà cùng Phật hợp nhau. Đức Phật đó tất đúng như y giải cảnh ấy mà hóa hiện rất rộng lớn như hư không, oai đức của Phật sáng chói rực rỡ, tướng đẹp, thần thông, nguy nga chói lọi. Từ trên đỉnh cao chót vót cõi địa ngục, Ngài rũ tay khảy móng, giọng từ bi vang dội truyền lệnh. Từ thân Ngài phóng ra ánh sáng lớn, âm thanh kia cùng theo ánh sáng đến thẳng tận đáy sâu cùng của địa ngục. Ở đó có bao nhiêu tường thành sắt, cửa sắt, lưới sắt, cột sắt... cho đến núi đao rừng kiếm, vạc dầu sôi, lò lửa đỏ... tất cả các dụng cụ khảo tra hành tội theo ánh sáng đều bị nghiền nát tiêu mất hết không còn dấu vết chỉ như bóng như gió thổi. Lại còn tất cả ngưi đầu, mã diện, quý sứ ngục tốt và các khí cụ gây khổ, chó đồng, chim ưng sắt, rắn sắt, các loại mỏ sắt của chim và trùng độc... sẽ nhận ánh sáng chiếu

vào thì đều biến thành hình tướng các Bồ-tát sẽ thương yêu trìu mến với ánh mắt từ bi. Người đang chịu khổ kia cùng các tù nhân đồng ngục, bỗng nhiên nhận được bốn tâm thêm nhiều ý lành. Khi họ nhìn thấy ánh sáng cùng nghe được lời ra lệnh của Đức Phật thì như từ dưới đáy giếng sâu ngược nhìn lên giải ngân hà, chú ý nhìn kỹ thì thấy rõ ràng một thân tướng đẹp đẽ của Đức Phật hiện ra, liền mừng rỡ cúi đầu đánh lễ, hỏi cải tự trách, rồi cùng với các bạn tù đang chịu khổ đồng phát tâm Bồ-đề, nương theo ánh sáng bay lên đến chỗ Phật, mọp lạy dưới chân Phật, được Phật xoa đầu thọ ký và thuyết pháp cho nghe, liền được ngộ đạo, được thần thông du hí bay đi khắp cõi nước Tịnh độ của Phật, cùng sinh vào chỗ Phật giống như các vị đại Bồ-tát, thành tựu đạo vô thượng, giáo hóa chúng sinh thật khó cùng tận.

Hỏi: Nếu theo nhân quả thì hào quang Đức Phật chỉ soi chiếu đến người thắng giải nên người này được ra khỏi địa ngục, còn đám tù nhân kia đâu có gì mà cũng đồng

thời được thoát ra?

Đáp: Ví như có một kẻ phạm tội ác nghịch bị quan hành tội. Khi người này ở trong ngục, do một nhân ác mà khiến bao nhiêu lỗi cùng sinh, nên lần lượt đi lụy đến vợ con cha mẹ, bà con bè bạn v.v... khiến họ cùng chịu quả khổ. Còn khi người tù này ra khỏi ngục thì cũng thế, há chẳng khiến những kẻ đồng chịu khổ kia lần lượt sinh các điều lành nên tất cả đồng nhờ Phật lực cùng sinh vào chỗ vui. Nếu thế thì nguyện lực của A-di-đà chúng ta có mặt khắp mọi lúc mọi nơi, thì đâu chẳng riêng cứu hộ được chúng sinh đã đọa vào địa ngục rồi sao? Nếu bảo rằng báo địa ngục chưa hết, mà muốn khiến họ ra khỏi ngục trước thời hạn, dầu nhân ở địa ngục không lành nhưng lại muốn hào quang Phật chiếu xuống còn được thay, lại nhờ đó mà tự cảnh tỉnh mình há lại không tự hối cải được sao?

Hỏi: Nếu đợi khi báo ở địa ngục hết rồi mà hào quang Phật chiếu xuống thì lúc đó tôi ra khỏi ngục là do hết báo cần gì phải có hào quang Phật chiếu đến?

Đáp: Nếu do báo hết mà thoát khỏi ngục chứ không phải do hào quang Phật, thì dầu ra khỏi nhưng ở trong ba ác đạo chưa biết sẽ sinh về đâu. Như thế thì từ tội nặng đến nhẹ mỗi thứ lần lượt phải trải qua nhiều kiếp. Kiếp nhiều vô lượng, kiếp không thể nghĩ bàn, mới được làm người rồi từ hạng người bần cùng hạ tiện, gù còm tàn tật lắm bệnh khổ sở. Lại khổ vì muốn không được nên ý nghĩ ác càng tăng nhiều, nếu không có chút lành nào thì lại bị đọa vào địa ngục. Như kẻ mù lạc vào rừng rậm gai góc làm sao ra được. Nếu nhờ oai lực của hào quang Phật soi chiếu đến thì có thể biến đổi tội nặng sẽ chịu nhẹ, tội lâu dài sẽ chịu ngắn ngủi, tội nhiều sẽ chịu ít. Lại có thể một khi ra khỏi địa ngục thì liền sinh ngay lên cõi Phật đâu có thể nói là không cần nhờ hào quang Phật chiếu đến ư? Nếu nhận thức như thế thì tội rất nặng. Bởi kinh có nói giả sử như trong cả đại thiên thế giới này đầy cả lửa dữ, khi niệm danh hiệu Phật ấy thì vượt qua không hề hấn trở ngại gì, huống là lửa chỉ có ở một mình mà không thể diệt hết được sao?

Đó là nghĩa này vậy.

Lại nói rằng Đức A-di-đà Như Lai lòng Từ bi mạnh mẽ cho đến ngay cả ở trong vầng lửa lớn trong ngục Vô gián thay thế chúng sinh mà chịu các khổ não, tìm đủ phương tiện để cứu thoát khiến họ sinh lên cõi An dưỡng. Huống là người chưa bị đọa lạc mà không cứu hộ được sao. Kinh lại nói do sức từ bi của Đức Phật ấy khắp che chở tất cả chúng sinh trong thế gian, đối với thân Phật mà lấy dao chặt, lấy hương thoa thì vì sức từ bi nên cả hai đều không nhiếp thọ. Thế nên nguyện lực của Đức A-di-đà, tâm mạnh mẽ thiết thực, giáo hóa chúng sinh còn có thể thấy được huống là các thứ hình ảnh khác, vì thân đồng với chúng sinh thực hiện các việc hóa độ thì thật khó thể đo lường. Nếu không tin chắc vào sự kiện này thì chưa thể bảo là kẻ hiểu rõ giáo pháp. Hoặc có kẻ bảo toàn thể chúng sinh là Phật, là chưa xét rõ ai là kẻ cứu độ, ai là người được cứu độ. Nay ta chỉ hướng về họ mà nói: “Ông chưa hiểu rõ sự việc đó thôi.”

8. *Mười ngại hạnh lớn.*

Vả chẳng một tâm bình đẳng thì thể tánh luôn tròn đầy không thiếu sót. Mặc dù chúng sinh mãi triền miên ở trong nghiệp thức không lúc nào không có ý chí cầu mong vượt thoát trần ai, nhưng khi muốn nghiên cứu đạo pháp thì ma cảnh đã sớm hiện bày ra trước, cho nên khi tâm lỗi lầm thiếu sót một việc thì muôn điều thiện cùng mất, việc nên thì ít mà việc hư thì nhiều, được rồi lại mất huông là khi bị vật dục hợp nhau khuynh đảo, bị sinh tử đời đời. Rồi xúm nhau mà học tập các dịch địa đều thể cả khiến Đức Như Lai ta suốt cả ba đại A-tăng-kỳ kiếp đã thí xả vô số đầu mắt não tủy, đất nước, thành ấp, vợ con, thân thể máu thịt tay chân, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, hầu hạ các bậc tri thức, không hề tiếc thân mạng, tu hành các đạo phẩm mà được các pháp môn. Nhưng nhân bị nhiều chướng ngại mà tâm lui sụt khởi lên thì chỉ trong một sớm một chiều tất cả đạo phẩm ở chính ta đều mất hết, chẳng đau đớn lắm sao? Chúng ta hiện nay đều là đệ tử của Đức Thích-ca, lại không gắng sức đấu tranh,

ngồi yên nhìn tất cả quần sinh trong pháp giới mất hẳn tuệ mục, đau đớn còn hơn cắt nát thân thể này. Thế nên nay tôi chỉ căn cứ vào kinh mà lập ra mười ngại hạnh lớn, gọi là mười hạnh không mong cầu. Người tu hành dù không cố mong bị chướng ngại nhưng trong đây hoặc bất đắc dĩ tất cả các chướng ngại hiện ra khiến thân tâm ta yên tĩnh trước các chướng ngại không bị các ma, các cảnh chướng ngại xấu ác xâm nhập vào làm chướng ngại ta. Ví như bỏ vàng vào lò lửa, lửa không quý bằng vàng nhưng nhờ lửa mà vàng trở nên vật quý hiếm hơn nhiều. Nay xin nêu rõ về mười ngại hạnh lớn là:

1. Đừng cầu thân không bệnh hoạn tật nguyên.
2. Đừng mong cầu ở đời không gặp hoạn nạn, khó khăn.
3. Đừng mong cầu khi nghiên cứu tâm mà không bị chướng ngại.
4. Đừng mong cầu khi lập hạnh mà không bị ma phá.

5. Đừng mong cầu mưu sự dễ hoàn thành.
6. Tình giao hảo đừng mong cầu chỉ có lợi cho ta.
7. Đối với người đừng mong được thuận hợp ý thích.
8. Thí đức đừng mong cầu được và quên đi sự báo đền.
9. Thấy lợi dưỡng đừng mong cầu được phần hơn.
10. Khi bị áp bức, oan khiên không mong cầu được bày tỏ.

Cả mười ngại hạnh lớn này bao gồm tất cả các chương ngại chỉ có bậc thượng trí mới chịu đựng được, chứ người bậc trung, bậc hạ chẳng dám mong mỏi. Nếu người nào được nghe mười ý nghĩa này rồi trong từng thứ chương ngại ấy mà nghiền ngẫm suy xét tìm biết thấu đáo, thân yên tĩnh thể nhập vào đạo, giữ mãi không mất, thì người này có thể vào được cõi ma mà không bị chúng khiến tâm lui sụt, có thể đắm mình vào sắc thanh mà không hề bị sắc thanh mê hoặc phá rối chi cả, cho đến các cảnh ghét

yêu, danh lợi, người và ta, được và mất... thì tâm ta đâu có gặp các chướng ngại, chúng vẫn không làm ngại được ta. Với ngại mà không bị ngại, thì đạo hạnh vẫn thẳng tiến, huông là khi được tự nhiên với cảnh chướng ngại mà đạo hạnh lại không tiến nhiều ư? Ví như cây mọc trên mỏm núi cao, khô hạn lâu ngày như thiêu đốt mà lá vẫn xanh không phai sắc, huông lại được mưa rào thấm ướt, lại được ở giữa mùa xuân thì đâu lại không sum suê hoa trái. Lại như người các căn không đủ, vận dụng khó khăn mà nghề nghiệp kiếm sống lại khó khăn. Nay nếu lấy việc tìm sống đổi sang việc cầu đạo thì đâu không phải cho là chướng ngại mà không thể hành đạo được. Nên phải biết rằng các ngại này chính là một bậc đại Thiện tri thức của tất cả chúng sinh, cũng chính là phước điền cao quý của tất cả chúng sinh, có thể liễu thoát sinh tử, có thể siêu phàm nhập Thánh (bỏ hàng phàm phu vào bậc Thánh). Như thế thì tất cả thức ngon quý hiếm, trang phục đẹp đẽ, vàng bạc châu báu, kể cả ngọc báu kim cương ở trên

cõi thế gian này cũng không thể sánh được. Thế nên nếu không lấy cái ngại để làm đạo thì sau này gặp điều không ngại liền thành ngại, là bởi vì sao? Vì thân mà không bệnh thì tham dục liền sinh, còn đời mà không hoạn nạn khó khăn thì kiêu sa nổi dậy. Tâm mà không chướng thì học hành vượt bậc, hạnh mà không bị ma phá thì thế nguyện không bền chắc. Sự việc dễ thành thì chí đầy khinh mạn. Tình cảm lợi mình thì thiếu mất đạo nghĩa. Người mà thuận ý thích thì tâm ý tự kiêu căng. Thí đức mà mong báo đền thì ý có mưu tính. Lợi được phần hơn thì si tâm liền động. Bị đè nén oan ức mà cần giải bày thoát khỏi thì chưa quên được nhân và ngã. Vì các ý nghĩa ấy nên biết mười đạo vô ngại này hay sinh các lỗi như thế lại tạo nên tất cả việc không tốt như thế làm chướng ngại nhân duyên của đạo. Bởi vì sao? Vì tham dục mà sinh thì liền phá giới lui sụt đạo hạnh, còn kiêu sa khởi lên thì khi dễ, lấn áp mọi người. Học mà vượt bậc thì chưa được lại bảo là được. Nguyện không bền chắc thì chưa chứng tự cho là chứng.

Chí mà khinh mạn thì khoe ta có tài năng. Thiếu đạo nghĩa thì tất thấy người là quý. Tâm ý kiêu căng thì luôn chấp mình là phải. Ý có mưu tính thì muốn khoe danh vọng. Si tâm mà động thì lợi xấu sẽ hại mình. Tâm nhiều nhân ngã thì oán hận đầy đầy chồng chất. Mười lỗi này là do kẻ phàm phu vọng tưởng sinh ra đều gọi là tà kiến lần lượt sẽ sinh khởi vô lượng ác pháp đầy khắp cõi hư không, ắt khiến chúng sinh phải đọa vào địa ngục. Đâu thể đối với các lỗi này mà không cẩn thận. Nếu như hay thể nhập vào cảnh đầy chướng ngại này mà biết rõ nhân duyên của bệnh, biết rõ tánh bệnh vốn không thì bệnh không thể nào hại ta được. Hiểu rõ cảnh giới hoạn nạn thì thể của hoạn nạn vốn là vọng thì hoạn nạn cũng không làm hại được. Hiểu rõ các chướng ngại không căn cội thì chướng ngại liền tự vắng lặng, nên chướng ngại không thể ngăn ngại được. Thấu suốt rằng ma chỉ là vọng, rốt cuộc ma không căn cội thể thì ma làm sao quý nhiều được. Liệu định việc là do tâm nhưng việc thành là do nghiệp chứ nào phải là do

tài năng. Xét về tình là có nhân, đối với tình khó cưỡng chế, tình bèn nương vào duyên. Hiểu người mà xử thế, xem xét người mà vọng làm việc nên người phải đáp đền. Còn minh đức thì tánh vốn không, chiếu đức thì không phải thường còn nên đức cũng không phải thật có. Lợi ở đời vốn là không, tham lợi thì sinh phiền não, vậy chớ nên vọng cầu lợi. Bị đê nén mà hay nhẫn nhịn, nhẫn chịu được sự đê nén là khiêm nhường, vậy sự đê nén kia đâu làm hại gì ta. Thế nên bậc Đại Thánh hóa độ người lấy bệnh khổ làm thuốc hay, lấy hoạn nạn làm giải thoát, lấy chướng ngại làm sự tiêu điều tự tại, lấy quần ma làm bạn đạo, lấy sự hoạn nạn làm an vui, lấy sự giao tiếp xấu xa làm tư lương, lấy kẻ nghịch thù làm vườn rừng, coi việc thi đức là dép rách bỏ đi, coi việc sống đạm bạc là giàu sang, lấy việc bị đê nén làm hạnh môn. Như thế thì ở trong ngại mà được thông, còn cầu mong thông thì bị trở ngại. Ở trong chướng ngại này đều thành cảnh nhiệm màu, thế nên được và mất không thể tự biết, sao người ở trong đó lại

gượng sinh lấy và bỏ. Do đó nên Đức Như Lai ở trong chướng ngại mà được đạo Bồ-đề cho đến khi vì nửa bài kệ mà gặp quý La-sát, làm tiên nhân thì gặp vua Ca-lợi, bị ném gạch đá vào mình bởi tăng thượng mạn Tỳ-kheo. Bị nàng bé nữ lấy thau gỗ giả làm có thai mặc tình vu khống chửi rủa, và bọn Ương-Quật-ma-la cùng đám Đề-bà-đạt-đa đều đến làm nghịch hại, nhưng Đức Phật đều thọ ký cho họ, hóa độ họ thành Phật. Há không phải là lấy cái nghịch của người khác làm cái thuận cho mình, lấy cái phá hoại của người khác làm sự thành công cho mình. Huống là thời gian ngắn ngủi, cuộc đời bạo ác, việc người khác thường thì đối với người học đạo đâu chẳng gặp chướng ngại. Nhưng nay nếu trước không lo việc ở trong chướng ngại đến lúc lâm vào chướng ngại thì khó thể xoay sở dẹp trừ khiến cho Đại bảo pháp vương, nhân đó mà mất hết, chẳng đáng tiếc lắm sao? Vì ngu cho nên chỉ căn cứ vào những điều nói trong kinh mà thuật lại thế, xin chớ ghét bỏ. Thảng như nhân nghe nói các nghĩa này mà chướng

ngại lại hiện ra nhưng vẫn cứ mạnh mẽ tiến thẳng đến đạo thì thật đáng gọi là đã được ý chỉ này vậy.

9. *Nêu chung các nghĩa.*

Phàm niệm Phật Tam-muội thì gọi là Nhất hạnh Tam-muội, bởi vì người tu hành khi hiểu sâu sắc ý chỉ của hạnh ấy thì có thể luôn giữ nhất tâm, chỉ nhớ nghĩ cõi ấy, chỉ nhớ nghĩ Đức Phật ấy, biết rõ thân Phật và cõi ấy không hai, hiểu rõ việc nhớ nghĩ cũng là một, nên được gọi là Nhất hạnh. Tuy gọi là Nhất hạnh nhưng cũng phải lấy tất cả pháp môn và các hạnh công đức Thế gian và Xuất thế gian để làm trợ đạo thì hạnh vãng sinh sẽ nhanh chóng. Thế nên tất cả các hạnh đều vì Tịnh độ mà tu, không có con đường nào khác nên gọi là Nhất hạnh vậy. Ví như trăm sông đều chảy về biển nên cùng được tên biển, muôn hạnh thiện đồng quy vào một nơi nên được tên là Nhất hạnh. Vì ý nghĩa đó nên tất cả các thứ như tứ Niệm xứ, tứ Chánh cần, ngũ Căn, ngũ Lực, thất Giác chi, bát Chánh đạo, tứ Hoàng nguyện, lục Độ... đều là hạnh Tịnh độ, cho

đến cái thiện ngăn ngủi như khảm móng tay và tán tâm niệm Phật hoặc một lần niệm danh hiệu, hoặc đưa một tay, lạy một lạy, khen một lời, hoặc một lần chiêm ngưỡng. Cho đến hoặc dâng một nén hương, một chén nước, một cành hoa, một ngọn đèn cúng dường một vật, hoặc tu tập từ một niệm đến mười niệm. Hoặc phát sinh một hạnh bố thí, một hạnh trì giới, một hạnh nhân nhục, thiền định, trí tuệ... tất cả các thiện căn đều hồi hướng về Cực lạc. Do sức hộ trì của nguyện lực, tuy có chậm có nhanh nhưng tất cả đều được vãng sinh.

Như kinh có nói thí dụ xưa có một người đem gởi vào biển cả một giọt nước nhỏ, xin đừng hư đừng mất không đổi khác cũng không khô mất, tuy trải qua nhiều kiếp cần yếu vẫn phải là nước xưa nguyên vẹn. Và trải qua rất nhiều kiếp về sau, người này đúng theo lời gởi đến lấy, quả nhiên vẫn đúng là một giọt nước như xưa nguyên vẹn, không hỏng không khô tí nào. Đây cũng thế, lấy một thiện căn bé nhỏ mà hồi hướng về Cực lạc, cũng như đem gởi một giọt nước,

tuy đã trải qua nhiều đời khác nhau nhưng thiện căn kia vẫn không mất cũng không hư hỏng khô cạn, chắc chắn sinh về cõi đó. Cả Đại thừa, Tiểu thừa, hữu lậu vô lậu, tán tâm hay định thiện, sự tướng hay quán tuệ đều gọi là nhất hạnh, tất cả đều được vãng sinh, chỉ trừ người có chủng tánh ngoại đạo. Cho nên nói rằng chỉ luận về tâm khẳng định quyết không lừa dối nhau. Lại như kinh bảo rằng một lần niệm “Nam-mô Phật” thì đều đã thành Phật đạo thật đáng tin chắc. Vì người này có nhân tâm, nhưng chưa khởi, có hạnh lành, nhưng chưa lập, thân tâm chưa chịu khuất phục, lại trước cầu cảm ứng thì không thể cùng họ chuyện vãng được. Thế nên đức Thánh chủ Thích-ca suốt một đời thuyết giáo có vô lượng thứ Tam-muội, vô lượng thứ giải thoát, vô lượng hạnh nguyện, tổng trì tương ưng với vô lượng pháp môn. Chỉ có một pháp môn niệm Phật là trọn nhiếp đầy đủ tất cả không sót thứ nào, như biển cả kia thâm nạp tất cả muôn sông, nhưng tánh không thêm bớt. Như viên ngọc châu Như ý dính trên ngọn

phước cao, có thể làm trọn vẹn mọi nguyện cầu mong ước của tất cả chúng sinh nhưng thể nó không hề hao mòn. Bảo vương Tam-muội này hay gồm nhiếp, hay đầy đủ cũng thế, chính do nghĩa này nên Đức Thế Tôn của chúng ta đầu tiên lấy môn Tam-muội này khắp dạy bảo chúng hội, nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Trong pháp hội ấy có biết bao nhiêu bậc đại căn được nghe như Ngài Văn-thù v.v... và cả Tam Thừa Thánh hiền, Thiên long bát bộ đều kính phục và tin tưởng. Khi pháp môn này truyền bá ở Đông độ, có bậc đại chí đến tận Lô Sơn mở mang giáo hóa thì số người tin tưởng pháp môn này lan ra nhanh chóng như gió lướt trên cỏ, khắp thiên hạ đều trông vào, đây là giáo pháp cao đẹp nhất. Từ ngày Phật ra đời thuyết pháp đến nay đã hơn hai ngàn ba trăm năm, trong đó có biết bao nhiêu bậc Thánh hiền, cao tăng, nho sĩ, nông dân, thương nhân, học trò, các nam nữ bình dân kể cả hoàng môn hạng tôi tớ... hoặc tự tu hoặc khuyên người khác tu, hoặc viết sách lập nguyện, trọng pháp như ngọc báu, coi

thường thân mạng mình như bụi đất, gặp nạn cũng không sợ, chết đến cũng không màng. Các kẻ vững chí lập hạnh, gắng sức tu đạo này đông không biết bao nhiêu mà kể. Hoặc tu tùy hỷ, hoặc tin tưởng quy y cho đến nhiều kẻ chí thành cố gắng hết sức mình tu hành và giúp ích cho mọi người. Thiệt là nhiều như sao trời hay bụi cát, chứ nói “nhiều” thì quá ít. Hoặc có người mới tin phân nửa, hoặc không tin, dự dự chưa quyết mà vẫn được sinh lên ở các nghi thành và vùng biên địa ở cõi ấy. Huống là kẻ tu hành chánh tín ư? Truyện ký ghi chép rất nhiều nhưng đó chỉ là một trong muôn phần sự thật. Từ xưa đến nay số người nhận được ân huệ Phật ban cho không có bút mực nào, lời lẽ nào kể hết được. Dẫu có nhiều cách tu của các đạo phàm khác nhưng nếu chỉ nhờ vào sức của tự tâm mình mà thôi thì hoặc có lui sụt hoặc bị vướng vào ma chướng. Chỉ riêng pháp môn này nhân vì nhờ nguyện lực của Phật nên hễ tu thì tất thành công, lại không bị ma nghiệp, vĩnh viễn không lui sụt. Lại pháp môn Tam-muội này không

phải chỉ tránh được ma chướng mà ngay cả ở thế gian tất cả các việc dính dáng đến quan quyền, thị phi khẩu thiệt, các hoạn nạn về nước trôi, lửa cháy, cướp trộm, kẻ côn đồ, việc hung ác cho đến tất cả cạp beo sói gấu rắn độc thú dữ, quỷ quái yêu tinh, các việc không lành... đều không thể xâm phạm làm hại được. Lại cũng không bị tất cả các dịch lệ, bệnh thương hàn, ung nhọt, cùi hủi, hèn hạ, hoặc bị các bệnh về mắt tai mũi lưỡi. Nếu như hạnh nguyện không thiếu sót thì đều có thể dẹp trừ tất cả, chỉ đối với nhóm người ham chuộng danh vọng lợi dưỡng, thích các loại giặc ngọt ngào yêu thương, mềm mại và tâm bùng lửa giận. Dầu có sức của Đức Phật nhưng vì chính mình gây tội nên không thể cứu được. Người tu hành cần phải gia công tinh tấn để dẹp bỏ các lỗi lầm ấy. Nếu chỉ một niệm dần dà thì tất sẽ bị chúng cướp đoạt mất. Song các loài ma mềm mại ngọt ngào kia chỉ có thể phá hại những kẻ tin tưởng cạn cợt, tham lam, lừa dối, mất chánh niệm. Còn như người tinh tấn thì lửa dữ gặp nước

lại càng bền chắc, chỉ dám nhỏ nhẹ tới gần bên mà liếc xéo. Thế nên người tu hành nhân có Phật mà giữ gìn được các ma, không phải chỉ có thân này được an lạc mà lại thành tựu được Tam-muội. Cả hàng trời người đều giúp đỡ, khi lâm chung thì được chánh niệm mà vãng sinh. Các điềm ứng hiện khi được vãng sinh rất nhiều không phải một thứ: như hoặc nhạc trời trôi tấu khắp cả khoảng không, hoặc mùi hương lạ sực nức đầy nhà, hoặc ánh sáng chiếu khắp thân hoặc bảo tòa hiện ra trước, hoặc đích thân Đức Phật hóa hiện duỗi tay tiếp dẫn, hoặc quý Bồ-tát tay cầm đai báu trao tận tay người chết mà tiếp dẫn. Cho đến người ấy biết trước ngày giờ vãng sinh mà chánh niệm không hề nhầm lẫn, các chướng bồng biển mắt, tự đi tắm rửa sạch sẽ ngồi kiết già ở giữa chúng nói pháp xong liền chấp tay cáo biệt hoặc khuyên người tiến tu đạo hạnh, viết một đoạn văn, làm bài kệ rồi gác bút chấp tay từ tạ ra đi. Hoặc sau khi chết rồi mà thân thể tươi tắn như lúc còn sống. Các xương và răng, chuỗi hạt đốt mãi

không tan. Hoặc hào quang với năm màu đẹp đẽ chiếu sáng rực rỡ lạ thường, hoặc các điềm lành ứng hiện trên không rất lâu mãi vẫn không tan. Ở chỗ thiêu thân thì xá lợi biến thành toàn ngọc châu, tự nhiên sinh ra cả, các điều vừa kể ai cũng đều nhìn, nghe thấy. Những người ấy nếu ngày thường tu hành chắc chắn do sức tinh tấn mà chiêu cảm thì đều được như thế. Than ôi, người đời nay có nhiều người tu mà không đạt hiệu quả là vì người ấy tin căn hỷ còn cạn cợt mỏng manh, nhân địa chưa thật, chưa từng lập hạnh. Hoặc trước là muốn được mọi người đều hay biết bên trong luôn kiêu căng, bên ngoài luôn muốn sáng chói, cốt khiến mọi người cung kính cúng dường, vì luôn mong mỗi cái sở đắc. Thậm chí nói bịa là đã thấy được cảnh Tịnh độ, hoặc mới thấy được chút ít cảnh lạ, hoặc trong mộng thấy tướng lành chưa biết là thật giả đúng sai thì đã vội nói toạc ra, khoe khoang đủ thứ. Các loại người thấp kém này chính đã bị các đám bạn ma quái trên lừa dối quấy nhiễu. Do đó mà nguyện

hạnh thôi thất, lại trôi theo cỏi khổ sinh tử. Đâu không nên cẩn thận lắm sao?

Tuy có nghi thức trì tụng sám nguyện chôn đạo tràng nhưng không nên để cho người ngoài biết, bởi vì khi lộ ra chỉ là việc bất đắc dĩ, đâu nên riêng trưng bày dấu vết khiến việc tu quán hạnh phải hư hỏng. Thế thì người tu hành lại nên xét kỹ, phải thật kín đáo tự tu, bên trong luôn xấu hổ, chớ lộ bày các đức ra bên ngoài cho đến lúc đạt được kết quả mà không bị hai loại mạnh yếu kia có thể mê hoặc phá quấy. Trong số người có các chương đời trước sắp hết, thấy có chút ít tướng hảo, lại không chịu tu bồi công đức, khiến người ngoài nghe biết được thì hạnh ấy liền bị che lấp. Do đó mà Ngài Tuệ Viễn đã ba lần nhìn thấy được tướng Phật, Bồ-tát, nhưng ngày thường chưa tiết lộ lời nào, chỉ trừ khi đến lúc lâm chung mới hết lòng cầu đảo. Lại môn Tam-muội này thể tánh tuy tròn đủ nhưng việc hiểu biết cần phải rộng lớn, việc thực hành cần phải đúng với tất cả mọi chương điều nhỏ nhất, cải đổi các lỗi lầm cho đến một

lỗi nhỏ cũng phải hết sức e dè sợ sệt. Lại phải hiểu rõ vì hạnh Đại thừa mà nương học Tiểu thừa thì mới hợp với môn Tam-muội này. Nếu biết rằng tuy nhỏ mà tự mình không nhỏ, nhỏ là tùy theo sự hiểu biết tròn đầy, tròn đầy mà không lìa nhỏ thì nhỏ ấy tức là lớn. Giải hạnh lớn nhỏ chỉ là một lý như nhau, tức là cái thấy biết vượt khỏi cuộc đời tầm thường.

Kinh nói rằng hiếu kính cha mẹ, hầu hạ sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu nghiệp thập thiện, thọ trì tam quy, giữ đầy đủ các giới hạnh, không phạm oai nghi, phát tâm Bồ-đề, tin chắc nhân quả, không chê bai kinh điển Đại thừa, khuyên mọi người tiến tu các hạnh. Mỗi câu nói trên là một pháp hạnh. Người xưa cứ mỗi hạnh đều viết thành một chương dạy bảo cặn kẽ. Đây không nêu ra. Lại còn phải giữ gìn hộ trì tâm người, chớ khiến khoe khoang ganh ghét, mỗi động dụng đều tự như. Đọc tụng kinh pháp Đại thừa, hiểu rõ Đệ nhất nghĩa, luôn gần gũi các bạn lành, học hỏi các bậc tiên giác. Không chấp chặt cái thấy của

mình, không tự khoe mình là giỏi, chí luôn nhẫn nhục, việc làm đều dựa vào lời dạy trong kinh, lắng nghe chánh pháp, không hủy báng tăng ni, dẹp bỏ mọi khéo léo tạp nhạp ở đời, không ham danh lợi, lánh xa bọn tà ác, xử sự trung thực. Luôn quy lỗi về mình, tránh xa việc nói thù dật. Nhất tâm bất loạn, nhìn mọi người đều là Phật, dẹp bỏ hết nghề mọn tài hay, chỉ chuyên cầu việc vãng sinh thì thân quyết được thanh tịnh. Vô lượng các hạnh lành như thế đều phải tu tập. Hay giúp chánh đạo, hay cắt đứt nhiễm tâm ở đời, đối với hai cảnh yêu ghét không có các lưu nạn, ngưng tâm như nhứt thì ắt sinh về Tịnh độ. Công năng ấy rất lớn không thể nói hết được, thế nên đối với pháp môn này nên kín đáo mà tu hành, hạnh cao mà không khoe khoang. Kẻ được sinh vào cõi ấy đâu biết là bao nhiêu, nhưng kẻ vãng sinh có tên được ghi chép trong các truyện ký thì chỉ như giọt nước so với biển cả, đâu thể đếm được số lượng. Nếu như người nào thường căn cứ vào lời khuyên răn dạy bảo, chỉ thật hành hạnh này thì còn có

thể làm lợi ích cho các chúng sinh có vô số oán nghiệp. Huống là cha mẹ, sư trưởng, quyền thuộc pháp môn, bà con anh chị em hằng ngày thường giải cứu hoạn nạn cho ta, thường nâng đỡ ta mà không được lợi sao? Cho nên biết rằng chỉ tu hạnh này thì tất cả ân nghĩa đều đền đáp. Do đó cần phải nhất tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hai vị đại sĩ BỒ-tát và cảnh giới thậm thâm. Vì ở trong biển khổ rất khó được gần gũi khó thể nhớ nghĩ đến các Ngài. Bởi vì sao? Vì ai thường nhớ nghĩ tất là đã được giải thoát, bởi việc nghe tên còn khó thay huống là gần gũi.

Kinh có nói kẻ thiện nam người thiện nữ nào chỉ nghe được danh hiệu của Đức Phật và hai vị BỒ-tát thì trừ được tội trong vô lượng kiếp sinh tử, huống là nghĩ nhớ. Nếu người nào nghĩ nhớ Phật thì phải biết người này là hoa Phân-đà-lị trong loài người, cùng làm bạn lành với hai vị BỒ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đang ngồi trong đạo tràng, sinh lên cùng nhà với chư Phật. Thế nên cả mười phương Như Lai hiện ra

tướng lưỡì rộng lớn để ân cần khuyên cố gắng. Đức giáo chủ cõi Ta-bà đình ninh dạy bảo thành thực lời lẽ tha thiết khiến chúng sinh ngũ trược nên tu đạo này thì sẽ được thoát khỏi cuộc đời. Bởi vì sao? Bởi vì chúng sinh ngũ trược kia cả thân tâm đều khổ, vì lấy khổ làm mạng sống, cũng như đồng nước lửa, nhưng Đức Phật riêng ở một chỗ, hạnh từ bi rất sâu sắc, ứng hiện đúng cơ nghi như nước với mặt trăng, vì cảm ứng đạo giao vậy. Thế nên đức Thế Tôn từ khi thành chánh giác đến lúc nhập Niết-bàn, lời nói không sai khác. Trong các thời thuyết pháp đầu tiên từ hội Hoa Nghiêm, cuối cùng là đạo tràng Pháp Hoa, lời vàng ngọc dạy khuyên khắp chốn kể sao hết được. Các bậc tâm lớn chí cao trong các pháp hội ấy nhờ ý chỉ từ bi tùy thuận ấy đều phát nguyện cầu vãng sinh. Huống gì bọn chúng ta căn cơ đần độn bị trôi giạt trong đời mạt pháp này. Hàng thức giả cần nên ghi xương khắc cốt rằng mình là người không hề đoạn dứt nguyện lực Di-đà, suốt đời không biết mệt mỏi. Bậc Thánh nhân lấy pháp này đề

xương ra trước, các kẻ hiền cũng từ pháp này nối tiếp theo sau, mở rộng khắp mười phương ba đời đâu phải chỉ nội trong thiên hạ, thấm đầy cả lục đạo tứ sinh, há chỉ có loài người được hưởng. Thiên thần đều nhờ hóa độ, quý vật ai cũng thuận nường. Người và phi nhân đều khen ngợi ngưỡng mộ, ghi chép các hạnh các việc đầy khắp sách vở, chất chứa ngập tràn cả kho tàng biển cả long cung, bày khắp cõi nhân gian thiên thượng, cõi rể sâu chắc từ lâu, tất cả đều ứng hợp với mọi căn cơ hoàn cảnh. Đó chính là do nguyện lực Di-đà gây nên như thế. Đức Phật có nói trong đời ác rất sau khi pháp ta diệt mất thì chỉ có pháp môn này được lưu truyền lâu khoảng trăm năm để hóa độ tất cả quần sinh. Nhưng pháp này há không phải là lời dạy thân thiết sau cùng cho bọn chúng ta đây sao?

Các loài chim tên Bát bát Cù-dục là giống bị đọa trong loài ngu si vọng tưởng, được người luyện tập cho việc xưng niệm danh hiệu Phật, cũng nhờ sức Tam-muội mà sau khi chết chỗ chôn xác còn mọc lên đóa

hoa sen, huông gì đối với loài người. Người mà không bằng thế, thật không biết xấu hổ. Bọn ta sinh ra thuộc năm trăm năm cuối của đời mạt pháp cho nên người có căn cơ cạn mỏng nghi hoặc không tin. Và lại đây việc thấy sai hiểu bậy, mỗi người chấp chặt không giống nhau, xúm nhau rủ rê dụ dỗ khiến người có Chánh hạnh kia phần nhiều phải bị lầm lẫn mê loạn, thật đáng thương thay.

Thế nên nay tập hợp các văn Thiên tông và Tịnh độ và các kinh văn khác chọn lấy các nghĩa tinh yếu sâu xa nhất soạn thành lời viết, thành sách mà lưu truyền khắp nhân gian, để phá bỏ tà thuyết làm sáng tỏ chánh pháp. Khắp nguyện tất cả chúng sinh trong pháp giới một khi nghe thấy các lời nói này thì liền hiểu rõ, thấu suốt chân tâm mà biết rõ y chánh Di-đà vẫn ở Tây phương, biết rõ y chánh Tây phương không lìa bốn tánh. Hễ là hàm thức đều đồng vắng sinh, đều cùng vào ngôi bậc. Càng mong các bậc tiên giác chẳng tiếc lòng Từ bi thấy kẻ chưa ngộ thì đúng giáo pháp mà dẫn dắt.

Nếu người đi trước còn mê mờ thì hãy nên tùy căn cơ bệnh trạng vì họ mà chỉ bày chỗ sâu kín nhỏ nhặt. Nếu người này một niệm tin hiểu thì hạnh nguyện ắt thành, có thể trông mong được vãng sinh, công đức khó thể kể hết. Dầu cho có người bị tà kiến vây chặt, tin ưa không sâu, chỉ cần một câu dính vào thần trí thì cũng tạo nên hạt giống nhân duyên, dần dần sẽ có lợi ích vô cùng vô tận. Công khuyên người phát tâm đâu không phải lớn. Nếu người quả có khả năng ở tâm không cần thầy như thế mà không dối không lừa, đúng theo chánh pháp này mà khuyên dạy người không mệt mỏi. Dầu chính mình không tu không làm thì tức là đã làm đã tu, dầu mình chưa học thì tức là đã học. Bởi vì sao? Vì pháp giới chỉ là một tướng không mình không người. Như thời xưa có người suốt cả một đời chưa hề tu hành, nhưng chỉ có hai lần đóc hết tất cả của cải bình đẳng nhất tâm, lập hội khuyên người cùng niệm Phật. Cho nên khi mạng chung thì cũng được vãng sinh. Chuyện này thật rõ ràng. Cho nên biết ai phát tâm Từ bi,

hiện bày tướng nhiếp thọ và hay làm lợi cho người khác, khuyên người niệm Phật thì cái sở đắc sẽ rất lớn rất nhiều. Thật là sứ giả của vô thượng pháp vương, nhưng không nên chấp rằng chỉ mình thì nhất định là không cần phải tu. Thế nên pháp môn Tam-muội này rất thậm thâm, sâu rộng như biển cả, việc trình bày các lợi ích của nó đâu thể nói hết được. Nghe rồi thì nhớ lấy, hãy vì đời mà khuyên họ phát tâm niệm Phật.

10. Riêng trình bày môn một nguyện bốn nghĩa.

Có người hỏi rằng về sách khuyên phát tâm niệm Phật tôi thấy người xưa có rất nhiều, dầu là xướng họa tìm hiểu nhau, lời văn hoặc giống hoặc khác nhưng về ý nghĩa thì không hề khác. Như tập sách này có thêm các thứ nói về “y chánh”, về “quán tuệ”, về “phân chiết nhiếp”, về nói rõ các nghĩa v.v... ngoài các thứ nói trên ra phần còn lại thì đều thuộc loại đẹp vọng hiển chân... mà ta chưa được nghe. Tuy rằng từ xưa người học cao thâm, xa xưa nhất vẫn

chưa quyết chắc các điều trình bày đã hết, vẫn còn chờ đợi người khác nói thêm. Huông chi ta dám coi nhẹ sự kiện ấy. Tôi tuy chưa nhập vào đạo trực chỉ nhưng cũng được nghe các điều lợi ích mới mẻ, vậy xin dám hỏi lấy gì mà làm?

Đáp: Ôi ta không theo phép đạo hại đời mà chỉ cốt phá bỏ khối ngu si, dẹp bỏ tà kiến nên vì họ mà nói. Tôi đâu dám bảo là biện luận hay giỏi. Sở dĩ phải nói ra chỉ là bất đắc dĩ thôi.

Lại hỏi: Nói về Tam-muội này thì rất rõ ràng sáng sủa. Nhưng có kẻ bảo là khó nắm hết được. Vậy có thể lấy một câu mà nói hết cái nghĩa của nó chăng?

Đáp: Đâu cần phải một câu, chỉ một chữ cũng đủ để nói hết, đó là nguyện. Còn nếu nói một câu thì đó là giới-giải-hạnh-hướng. Song nghĩa của bộ sách này không nêu ra một câu giới-giải-hạnh-hướng. Một câu giới, giải, hạnh, hướng, quyết chỉ là từ nguyện khởi lên, nên có thể nói một chữ nguyện là đủ cả. Thu mở rộng hẹp một cách tự do, đâu thể vướng mắc vào một góc cạnh

nào?

Thế nào gọi là Giới? Người tu hành đã tu Tam-muội nếu không trì giới, mặc dù có tín tâm mạnh mẽ vẫn bị các ác duyên tạp nhiễm ở thế gian nó xâm phạm cướp đoạt. Bao nhiêu trần lao tai họa phá hoại pháp thân khiến kiến giải phải rơi vào tà đạo mà không được vãng sinh. Kinh nói nếu trong một ngày đêm mà ai trì giới Sa-di hoặc giới cụ túc thì liền được vãng sinh. Cho nên cần phải trì giới vậy. Sao gọi là Giải? Người tu hành tu hạnh Tam-muội này là cốt cầu sinh Cực lạc, nếu không dùng thâm tuệ diệu giải này, biết rõ hai cõi sạch dơ, Đông Tây đối nhau, chân thật không làm lẫn. Lại biết hai cõi tịnh uế đây đều hoàn toàn có đủ trong tâm mình, không lìa đương niệm, nên dù tu pháp nào thì cũng có thể được sinh lên cõi ấy. Kinh nói đọc tụng kinh điển Đại thừa, hiểu rõ Đệ nhất nghĩa bèn được vãng sinh, cho nên phải hiểu biết chân chánh.

Sao gọi là Hạnh? Người tu hành cầu sinh Tịnh độ, tuệ giải đã đúng đắn thì nương vào hiểu biết mà lập hạnh, sáu thời hành đạo,

Tam nghiệp không sai sót, thẳng tiến không lui sụt, quyết mong được sinh vào cõi ấy. Kinh nói tu hành sáu niệm, phát nguyện hồi hướng từ một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sinh, cho nên cần phải lập hạnh vậy.

Sao gọi là Hướng? Người tu hành quyết muốn được vãng sinh nên đối với các thứ giới, giải, hạnh mà có các công đức như thế. Và nay tất cả mọi lúc mọi nơi đều cùng với thiện căn lớn nhỏ từ vô thủy đến nay tất cả đều hồi hướng về Tịnh độ, nên khi lâm chung bèn quyết được vãng sinh. Kinh nói phát nguyện hồi hướng cầu vãng sinh về cõi Cực lạc, ví như làm các việc cho nhà thì về nhà được dùng. Cho nên cần phải phát nguyện hồi hướng vậy.

Một câu nói về nghĩa bốn pháp môn rộng lớn này nó bao gồm tất cả các thiện pháp. Cũng như bốn thời kỳ kết thành hạt trái, thì mỗi thời đều rất cần thiết, thiếu một sẽ không thành. Cả bốn pháp môn này cũng thế, nếu thiếu một thì Tam-muội không thành tựu. Cho nên cần phải tu đủ cả bốn

nghĩa thì mới trọn thành một nguyện.

Hỏi: Chỉ một câu này mà lại thành nhiều câu sao?

Đáp: Nhiều câu tức là một câu, một câu tức là nhiều câu, nhiều câu và một câu đều bao gồm hết các nghĩa. Không thể bảo nhiều câu thì nghĩa rõ mà một câu thì nghĩa thiếu.

Hỏi: Nếu thế tại sao không chỉ nói một câu thôi?

Đáp: Nhiều câu là nói rộng, một câu là nói ngắn gọn. Rộng hay ngắn gọn tuy khác, vì mỗi thứ thì tùy theo căn cơ mà đều được sáng tỏ đạo lý. Đâu có thể chỉ nói một câu mà bỏ đi việc nói rộng rãi.

Lại hỏi: Cả ba nhà trong thôn ấp, trai gái bình dân, ông bà đức hạnh, Đông Tây miễn luận, đậu lúa chẳng phân chia, một tiếng mà bốn nghĩa, trì giới v.v... mờ mịt không biết gì. Hoặc chỉ nhất tâm mà xưng niệm danh hiệu, hoặc chỉ chuyên cần kính lễ mà được vãng sinh, khi lâm chung thì lại có sự ứng nghiệm rất rõ ràng, là vì sao?

Đáp: Trong nhất tâm này thì pháp nào

lại không đầy đủ. Đã do tuệ giải mà tin chắc có hai cõi, phát hạnh xưng niệm danh hiệu, hồi hướng cầu được vãng sinh, há lại phá bỏ giới Phật. Như thế là bốn nghĩa đã đủ, các hạnh không lập mà tự thành, bèn được vãng sinh hoàn thành nguyện đầu. Đâu có thể gọi là thóc đậu, Đông Tây không phân biệt đó ư?

Hỏi: Nếu thế người tu hành chỉ cần nhất tâm thì các hạnh đều tự đủ, không cần phải lập bốn nghĩa v.v...

Đáp: Nếu kẻ nào trước đã biết bốn nghĩa mà nhất tâm thì như đã có nền tảng vững chắc nên vĩnh viễn không bị lui sụt. Nhưng kẻ trước đã do nhất tâm mà đủ bốn nghĩa dầu được vãng sinh nhưng nửa chừng bỗng gặp bọn ác ma tà đảng thì phần nhiều bị lui sụt. Thế nên biết lại lấy bốn nghĩa là hơn cả.

Lúc chúng thưa hỏi sắp ra về thì có người chợt trình bày ý kiến thưa rằng: “Con nghe sách khuyên người phát nguyện tu Tịnh độ rất nhiều. Từ xưa đến nay số người viết cũng lắm, toàn là lời văn ý nghĩa đều lành và rất thích hợp với mọi cơ nghi

khắp mọi người ở thế gian. Lại kẻ căn cứ vào lời khuyên dạy mà được vãng sinh cũng rất nhiều, có thể bảo rằng về nghĩa lý thì không có gì khác lạ mới mẻ. Vậy tại sao nay còn phải viết thêm nữa, không khéo có thể khiến người học có chỗ hiểu sai khác chằng. Nay đọc kỹ tập sách này thì thấy nghĩa cũng thuật lại lời xưa. Những gì người xưa đã nói rồi thì đâu cần phải nhắc lại nữa làm gì. Còn nếu nêu ra nghĩa khác thì người thời nay không hiểu, e rằng trở thành những điều phỏng đoán gán bừa rằng ấy là vì danh hoặc vì lợi mà nói. Xin được nghe điều cần yếu.

Đáp: Ôi sao ông dốt lắm thế, thật khó dạy khó hiểu. Ta nói nghe lời người xưa thì đó chính là kinh của Phật của Tổ, mà đã là kinh của Phật của Tổ thì dầu chỉ là nghĩa của một câu thì giả sử như tất cả chúng sinh số nhiều như bụi cực vi ở khắp đại thiên thế giới, có trình độ như Ngài Phổ Hiền thì trải qua mấy kiếp mà luận bàn về ý nghĩa lý thú cũng không thể nào hết được. Vậy những điều người xưa đã nói thì người thời nay

không thể nói được nữa sao? Và những gì Phật đã nói thì người xưa không thể nói ư? Không biết rằng người nay không thuật lại những lời của người xưa là vì lời nói và việc làm của người xưa chưa sáng tỏ hoặc vì người xưa chưa rủ lòng thương sự chí thành của người nay, hay chí người thời nay quá lo lắng không biết nương tựa vào đâu. Và lại dầu nghĩa có thuật lại của người xưa nhưng ý thú không trùng lặp, lời văn tuy riêng lập mà lý nào khác xưa. Nhưng chỉ vì thời gian mãi trôi mà người thì lần hồi khuất bóng, chỗ hiểu biết có trăm mỗi nghìn điều. Tuy vừa hết cái nghi A thì lại tăng thêm bệnh B, bệnh B vừa lành thì tật C lại sinh, lần hồi có nhiều ngã rẽ. Nhiều giòng nhiều chi phái là do sự hiểu biết nhận thức có nhiều riêng khác vậy. Và lại kinh sách của Thánh hiền tuy nhiều như núi cao biển rộng nhưng phần nhiều đều lạc mất hết. Kẻ hậu học căn cơ chậm chạp rất cuộc khó nghiên cứu suy tìm, cho nên trong phần văn dài rộng kia, tôi chỉ chọn lấy các nghĩa tinh hoa cốt yếu nhất để giải quyết gấp sự làm

lạc cho kẻ đương thời, soạn thành một pho cốt chữa trị hết tất cả các bệnh trầm kha, há nào phải vì lợi vì danh ư? Các điều ông hỏi thật đáng xấu hổ. Ví như biển cả nhận lấy nước từ muôn sông, đâu hề chán bỏ cái sâu rộng, đắp đất cho núi, núi nào ghét sự càng cao tốt. Vả lại cái nghi ngờ của người thời nay thì người xưa chưa từng nghe biết, còn ý riêng của người xưa thì người nay chưa thấu suốt hết được. Đời nay cách Phật đã xa nên cần phải căn cứ vào kinh mà luận thật sáng rõ cái nghi của người nay vậy, cũng như trong nhà đầy cả vàng và thuốc đều quý cả nhưng nếu không biết cách chữa bệnh mà chọn lựa cái thích ứng để sử dụng thì chẳng những tật bệnh càng nặng, phí của mà mạng sống cũng khó an toàn. Lại một nghĩa trong kinh muôn lần hiểu thì muôn lần sáng rõ hơn. Vậy có sợ gì phải nghe lại lời nói cũ, e ngại gì mà nói điều chưa ai nghe. Vậy ông cần phải đối với pháp môn Tam-muội này mà tìm hiểu tường tận, lập hạnh nguyện lớn, thẳng tiến đến đạo màu, cầu được vãng sinh Tịnh độ. Hãy rất cần

trọng chớ nên đợi lúc lâm chung già biệt cõi đời thì lòng yêu mến cảnh, tiếc thân mạng giống như con rùa sống bị lột ra khỏi mai, muôn ngàn khổ sở chất chứa đầy tâm, ăn năn không kịp.

11. Trình bày nghĩa niệm Phật diệt tội.

Lại có người khách đến hỏi:

-Niệm Phật Tam-muội trực chỉ đầu tiên là cảnh y chánh Cực lạc, cuối cùng là cầu được vãng sinh, các phần hạnh nguyện đều rất đầy đủ. Nhưng trong kinh có câu nói một lần niệm danh hiệu Phật có thể diệt hết tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Đối với lời nói này con không thể không nghi ngờ. Nếu quả đúng như lý này thì xem mọi người trong đời này từ sang đến hèn, trong suốt cuộc đời họ chưa có ai không một lần xưng niệm danh hiệu Phật. Như thế thì họ đều được diệt hết các tội nặng, tất cả đều được sinh về thế giới Cực lạc. Vì sao người đời phải nương vào nghiệp thức xa xưa mênh mang. Khi chết khổ sở như cua bị lột trong chảo nước sôi, sinh lên cõi trên

hay đọa xuống cõi dưới không biết nơi nào. Vậy nghĩa diệt hết tội ở đâu. Nếu đúng là lời Phật nói không dối trá thì xin Ngài vui lòng giải thích.

Đáp: Lời ông hỏi thật xác đáng. Người chưa ngộ đạo ở thế gian này theo lời ông hỏi nếu đối với môn Tam-muội này thì quyết không lui sụt, sinh thẳng lên Tịnh độ vậy. Nhưng người tu hành đời nay đều bảo lời nói này là để phương tiện khuyên cố gắng. Chứ đâu biết là lời nói rất thành thật của Đức Phật, quyết là không dối lừa ta đâu. Ông há không nghe câu ở vô lượng kiếp trước, nhà người cùng với Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni đồng là phạm phu ư? Nhưng Đức Thích-ca của chúng ta từ khi thành đạo đến nay đã trải qua ngàn ấy số kiếp điểm trần. Về số kiếp điểm trần này trong kinh Pháp hoa có nói rất rõ. Song trong ngàn ấy ở địa vị phạm phu ta cũng trôi giạt trong lục đạo, tạo ra vô số kiết nghiệp không thể tính đếm, lâu xa đồng với Phật đến nay không khác. Số trần kiếp ấy cũng không tính đếm được. Giả sử có người trong

suốt một đời, không kể các thiện pháp khác, người này chỉ niệm danh hiệu Phật, trọn đời niệm hoài không dứt. Trong mỗi tiếng niệm danh hiệu Phật ấy đều diệt hết trọng tội của tám mươi ức kiếp sinh tử. Song số lần niệm Phật trong suốt một đời và kể cả các đời khác đã diệt hết vô số kiếp trọng tội tuy nhiều thật, nhưng nếu đem sánh với số kiếp điếm trần lâu xa lớn lao kia thì không khác nào lấy đất trong đầu móng tay mà sánh với đất của đại địa. Đâu có thể bảo rằng vì niệm danh hiệu Phật đã diệt hết các tội trong nhiều kiếp, mà không còn nghiệp của kiếp nào khác ngăn ta không cho sinh lên Tịnh độ. Mà không biết rằng số tội chưa diệt hết kia ở trong vô số kiếp dài lâu từ vô thủy không bờ mé, bằng tuổi thọ của Phật, thật còn hơn số lượng của tám mươi ức kiếp gấp nhiều lần. Lại cũng như đuốc lửa tuy rất nóng nhưng muốn diệt hết tuyết của cả đại địa đây thì đâu có dễ dàng gì. Cho nên tuy có niệm Phật được diệt các tội nhưng chưa được vãng sinh là do nghĩa như thế. Huống là người có tâm cứng nhắc tạo

ngiệp nhiều kiếp, mà tâm yếu ớt niệm Phật chỉ trong giây lát, thì lui sụt rất dễ mà tiến lên rất khó. Lại hưởng trước đây cùng Phật làm phàm phu trái số kiếp nhiều gấp bội. Cho đến phiên nã thì từ vô thủy, còn phát tâm niệm Phật thì chỉ mới đây, vậy tội làm sao diệt hết được. Sao không nghĩ điều đó? Nay nói một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn thì liền được vãng sinh đến khi lâm chung mà nhất tâm bất loạn chỉ cần niệm danh hiệu Phật một tiếng thôi thì diệt hết tám mươi ức kiếp sinh tử trọng tội. Cho đến kẻ tạo tội ngũ nghịch, khi lâm chung tướng lửa ở địa ngục hiện ra, mà có thể niệm danh hiệu Phật được mười tiếng thì đều được vãng sinh Tịnh độ. Bởi nhờ ta niệm danh hiệu Phật mà được diệt hết tội, dù oai thần công lao chỉ tí xíu, nhưng do sức của đại nguyện mà được Phật nhanh chóng cứu hộ. Ví như một chiến sĩ đang đánh trận bị lọt vào vòng vây rất nguy hiểm tính mạng. Bỗng gặp một chàng dũng sĩ với cung mạnh giáo nhọn ngựa hay chạy nhanh liền đem hết dũng khí cặp nách người này

nhảy ngay lên ngựa, oai dũng chém tướng giết quân, nỗ lực dẹp tan thế trận đột nhiên thoát khỏi vòng vây, đoạt công chiến thắng vô về trăm họ thi ân bố đức, trở về dâng chiến công lên vua an hưởng thái bình vĩnh viễn. Đây cũng thế, Đức Phật kia tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực lạc nghĩa cũng vậy, cho nên nói niệm một tiếng Phật thì diệt hết tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Không phải như người niệm Phật thời nay hôm nay vài ba câu, sáng mai bốn, năm câu lại còn chần chờ dục dục. Hoặc thấy trước mắt chút cảnh thanh sắc thì liền bị chúng kéo dắt lôi đi, hoàn toàn không còn nắm giữ chút gì, y hệt như kẻ chưa từng niệm câu nào. Nếu muốn nhân một lần niệm danh hiệu thật sự diệt hết các tội trong nhiều kiếp, không bị gì cản ngăn khiến vãng sinh liền lên Tịnh độ, điều này có thể được. Song như việc niệm danh hiệu này thì mỗi tiếng niệm đều diệt hết tội của số kiếp như thế, nhưng chỉ hiềm tâm ban đầu chậm lại, quả báo vãng sinh cũng chậm lại chỉ có thể làm duyên để sinh vào đời khác thôi. Hoặc ai có thể niệm mãi

không ngơi nghỉ thì cũng chỉ có công làm thành nhóm sượng hoặc thành dòng nước nhỏ, chứ đâu thể như trước nói mà so sánh hơn kém nhanh chậm. Nếu với người luôn tinh tấn thì có thể như trước nói nhanh chóng như lật bàn tay, như tên bắn trúng đích. Cho nên biết kẻ tán tâm mà niệm Phật và kẻ dù chí thành nhưng chưa dứt hết vọng tưởng, hoặc bị các tội ở ngoài số kiếp hạn định ngăn trở thì có báo chỉ sinh vào đời khác mà không thể là công ứng nghiệm ngay liền. Nếu kẻ nào gắng hết sức lớn tiếng mà niệm với ý chí mạnh mẽ thì đã diệt hết ngàn ấy kiếp tội do sức mạnh mẽ nhanh chóng thì tội của các kiếp khác cũng không thể chướng ngại bèn thành tựu được mười niệm nên được vãng sinh Tịnh độ. Nghĩa này thấy khá rõ ràng quyết định là không có chướng ngại. Đâu phải như người mơ màng niệm Phật vì dựa vào nghiệp thức mờ mịt như cũ, đến khi lâm chung thì như loài cua bị rơi vào chỗ chảo nước sôi mà nghi là Đức Phật vọng ngữ, cho đó chỉ là lời khuyên để mọi người cố gắng, cho nên biết Phật lực

rất rộng lớn, khắp trùm mọi lúc mọi nơi, hay giữ các điều thiện dù rất nhỏ của ta mà đưa vào đại nguyện, khiến cho đồng một vị cứu vớt các chúng sinh đặt vào chốn rất an lạc, khiến tội tất cả các kiếp đều được tiêu diệt hết, sao chỉ diệt có tám mươi ức kiếp tội nặng thôi ư? Như thế thì công đức niệm danh hiệu Phật thật khó tính lường. Đó là ý chỉ Đại thừa viên đốn cắt ngang vượt thẳng mà ở đây có thể thấy rõ.

Thập nghi luận có nói ví như sợi dây cột trời mười vòng cả ngàn chàng trai mạnh khỏe khó bứt đứt, một đứa bé quơ dao bén nhọn chỉ phút chốc đã cắt rời làm hai. Như trong Quán kinh ở phần hạ bối sinh nhân có nói đây là dụ vừa niệm Phật vừa trừ diệt tội liền sinh. Lại như lúc Phật còn tại thế, có người đến chúng hội cầu xin xuất gia khắp các Thánh chúng lần lượt dùng đạo nhãn xem xét người này, tất cả đều bảo rằng người này xưa nay vĩnh viễn không có thiện căn, bèn không chịu độ cho. Sau cùng người này đến chỗ Phật, Phật bèn độ cho. Các thầy Tỳ-kheo đem việc này thưa hỏi

Phật. Phật bảo người này tuy không có thiện căn, nhưng ở vô lượng kiếp trước thì có, vì đạo nhân của hàng nhị thừa không thể biết được. Người này kiếp trước là tiểu phu đi hái củi bị cọp rượt đuổi nên leo lên cây mà trốn, thất thanh niệm ba chữ “Nam-mô Phật” do một lần niệm đó mà ở trong hiền kiếp gặp ta được độ. Người này về sau hiểu đạo, đây là nói một đời niệm Phật nhưng chưa được báo liền. Ở đời sau này mới được vãng sinh. Nêu việc này ra đây để biết một lần niệm danh hiệu Phật tuy chưa dính dáng đến vị Phật nào còn có thể khiến người này diệt hết tội mà đắc đạo, hưởng chi nguyện lực của Đức Phật Di-đà vượt ngoài mười phương. Nếu chuyên chú vào vị Phật ấy thì công đức xưng niệm danh hiệu khiến diệt hết các tội chướng có thể nghĩ bàn được sao?

Kinh có nói một lần niệm Nam-mô Phật đều đã thành Phật đạo. Lời nói này là một minh chứng vậy, cho nên biết rằng nếu hay xưng niệm danh hiệu Đức Phật Di-đà, niệm niệm không dứt thì công đức này thật khó

thể kể xiết. Dầu người có chướng nặng lại có tán tâm và lui sụt thì việc vãng sinh về cõi ấy tất sẽ ứng nghiệm ở tương lai. Lại việc xưng niệm danh hiệu Phật là thuộc ở miệng thì chỉ luận về công của nó, còn việc niệm Phật ở tại tâm mình thì mới là hiện bày cái đức. Luận về công thì chính ở chỗ ta không biết mệt mỏi chán lười, còn hiện bày đức thì mới thấy được Phật hiện ra trước, hai nghĩa không đồng hơn kém thấy rõ. Miệng niệm mà còn thể hướng là tâm niệm ư? Thế nên nay nhân điều ông hỏi ta chỉ y theo kinh mà thuật lại các việc để mọi người quyết chí đồng hạnh đều thấu suốt. Mong rằng với các nghĩa trên mà nên tu hành đúng lời chỉ dạy, vậy xin thận trọng chớ nên nghi ngờ.

12. Lược nêu hạnh của các Tổ.

Pháp môn thật rộng lớn bao gồm hết tất cả căn cơ của chúng sinh, dễ tiến nhanh mà công hiệu cao, các hạnh khác đều không sánh kịp. Thuở đầu tiên pháp môn này được Phật nói ra từ đỉnh núi Linh thú, là căn cơ lớn đều tụ hội về. Sau cùng là sáng rực rỡ ở

Trung Quốc, Tam Thừa đồng chứng, những kẻ được hóa độ càng nhiều, thật là xưa nay chưa từng có. Có thể bảo đây là một pháp môn rộng lớn vượt trội, mâu nhiệm cao tột nhất khó thể nghĩ bàn. Khi Viên tổ ở đời Đông Tấn đã cùng dựng nhà ở Lô Sơn, xướng lập giáo thuyết này. Lúc đó tập hợp được một trăm hai mươi ba người. Tổ sư ba lần thấy tướng Phật đúng như sự ước nguyện mà được vãng sinh. Ngài Lưu Di Dân là kẻ học sĩ ở triều đình đã làm văn lập thế nguyện, về sau cũng thấy được Đức Phật đích thân xoa đầu, lại lấy y đắp vào thân mình. Lại các bạn đồng chí hướng như Khuyết Công Tác v.v... đến khi lâm chung đều cũng có các việc như trên. Đây là chuyện thật ở đời ai cũng biết, sách vở có ghi chép rõ ràng. Đời Thạch Tấn quan Hàn lâm Trương Kháng chỉ trì chú Đại bi mười muôn biến. Đời Lưu Tống ở Giang Lăng có vị sư Đàm Giám, hằng ngày dù các việc lành bé nhỏ đều đem hồi hướng cầu sinh Tịnh độ. Đời Nam Tề ở Dương Đô có sư Tuệ Tấn nguyện tụng kinh Pháp Hoa để cầu

hạnh Tịnh độ. Cả ba vị này đều được vãng sinh về Cực lạc, có thể bảo hạnh này không luống uổng. Ông Trương Kháng thấy cảnh Tịnh độ hiện ra ở phía Tây nhà thật lâu cũng chưa biến mất. Sư Giám thì thấy đức Di-đà lấy nước rảy vào mặt và bảo “ta rửa sạch bụi nhơ cho ông, khiến tâm niệm ông được trong mát, khiến thân miệng ông đều được nghiêm tịnh”. Lại thấy trong bình nước Đức Phật đang bung có hoa sen mọc lên. Việc này sư chỉ nói riêng với các sư trong chùa. Còn sư Tấn nhân tụng kinh Pháp Hoa mà thành bệnh, bèn nguyện tạo ra một trăm bộ kinh Pháp Hoa để thí cho người, nhờ người tụng giùm mình. Khi tạo kinh xong thì bệnh lành, bỗng nghe trên không trung có tiếng khen “Lành thay !”, rồi liền theo đó mà vãng sinh. Công đức lớn của ba vị này thật khó thuật lại đầy đủ. Lại ở đời Hậu ngụy ở Bích cốc, có sư Đàm Loan bỏ đạo tiên theo học đạo Phật, tu môn Tịnh độ coi là pháp chân trường sinh. Khi lâm chung bèn khiến đệ tử lớn tiếng niệm danh hiệu Phật, sư Loan liền quay mặt về hướng Tây cúi đầu

mà viên tịch. Lúc đó trên không trung tiếng nhạc trời trỗi vang theo hướng Tây mà đi. Đời Tùy, sư Đạo Dụ lấy gỗ thom chiên-đàn hương tạc tượng Đức Di-đà cao ba thước, phát nguyện cầu vãng sinh. Chết rồi mà sống lại bảo rằng chính mắt thấy được điềm lành trong chốn u minh, thấy Đức Phật bảo rằng ngày mai khi sao mai mọc, ta sẽ đến tiếp dẫn ông. Quả nhiên đúng hẹn thì Ngài tịch. Về các hạnh lớn ấy thì như đời Đường, ở Kinh sư có Hòa thượng Thiện Đạo, ở Thái châu có Hoài Ngọc, ở Phần châu có Phương Quả là hai sư, ở Chơn châu có Tụ Giác, ở Mục châu có Thiếu Khang và ở Tinh châu có Hoài Ngạn v.v... đều không lìa bỏ Đại thừa, lập thế nguyện vững chắc tu đầy đủ hạnh Tịnh độ, việc ứng nghiệm rất rõ ràng làm cảm động cả hàng trời người, mây pháp khắp che, gồm nhiếp vô cùng, mưa pháp rưới khắp thấm đượm đầy tràn tất cả. Các đức hiện bày không phải một mối, thật không thể kể hết được.

Lại đời Trần Tùy, Ngài Thiên Thai Trí Giả Quốc sư truyền pháp đến các vị Tổ như

Pháp Trí, Từ Vân... đời Tống sơ các Ngài Vĩnh Minh, Trí Giác thiên sư, Ngài Trường Lư Từ Giác thiên sư... các vị đại Thánh sư này hạnh vượt hơn trời người, đức trùm khắp ba cõi, là mặt trời tuệ đẹp tan nẻo tối, là kẻ dẫn đường phá chỗ khổ nguy, đều lấy pháp môn Tam-muội này mà làm lợi mình lợi người, là đạo cứu đời kiệt xuất. Khi việc giáo hóa đã xong xuôi thì các Ngài đều được vãng sinh vào bậc thượng phẩm. Lại như đời Đường ở Trường An có ni cô Tịnh Chơn tụng kinh Kim Cang hơn mười muôn biến, trong năm tháng khi sắp lâm chung thì mười lần thấy Phật, hai lần có phép thần thông đi ngao du khắp cõi Cực lạc. Đời Đường, ông Phòng Chử nhân khuyên được một người niệm Phật mà cảm động khắp chốn u minh. Ở Trường An có Lý Tri Dao sau năm hội niệm Phật thì thấy giữa không trung có thần tăng đến tiếp dẫn và được vãng sinh Tịnh độ. Ở Thượng đẳng có Diêu Bà niệm Phật đứng hóa. Ở Tinh châu có vợ của Ôn Tịnh Văn tu hành đúng hạnh nguyện. Lại như Trương Chung Quì

và Trương Thiện Hòa đều chuyên nghiệp giết hại. Khi tướng địa ngục sắp hiện ra, nhờ chí tâm niệm đủ mười danh hiệu Phật liền được vãng sinh. Đời Thạch Tấn ở Phụng tường có sư Trí Thông, đời Tống ở Minh châu, sư Khả từng nghiên cứu rất lâu các di văn của Ngài Trí Giả rồi nhất tâm tu tập, sau cũng được thần thông đi thăm chơi Tịnh độ thì thấy trên tòa sen có ghi tên mình. Sau khi xuất định đều đúng y như lời kể. Ở đời Tống các ông Kim Thái Công, Huỳnh Đả Thiết, Ngô Quỳnh... xưa kia đều làm các nghiệp ác, nhân về sau biết cải hối tinh tấn tu hành nên khi lâm chung đều có điềm lành ứng hiện. Như Kinh Vương phu nhân, còn gọi là Quán Âm huyện quân, Bằng thị phu nhân đều thuộc hàng nữ lưu, nhưng đức hạnh lại sáng rõ nổi tiếng. Cho nên biết pháp môn cao quý này, phàm kẻ có tâm chí đều có thể tu hành được cả. Đâu có phân biệt tăng tục, trai gái, già trẻ, kẻ trí người ngu hay các hạng người khác giai cấp, làm việc cực ác hoặc bọn Xiển-đề, bác bỏ mọi thứ. Loài chim trĩ nghe được tiếng

nói pháp còn sinh vào cõi lành, người hay niệm Phật đâu lại không vãng sinh Tịnh độ ư? Như thế thì chỉ lo người mình bỏ việc tu hành, đừng nên sợ Đức Phật không thương xót tiếp dẫn. Nay căn cứ vào các truyện ký thuật lại các điều nghe thấy khiến các người đồng chí hướng lấy câu “kiến hiền tư tề” (thấy người hiền phải nghĩ cách làm sao cho bằng) mà luôn cảnh tỉnh các cử chỉ hằng ngày của mình. Đến như đất đai rộng khắp bốn bề tám hướng, từ xưa đến nay, bao nhiêu điều mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, trải qua thời gian khá lâu các việc quên mất khá nhiều, đâu thể nào kể lại đầy đủ được.

13. Chánh thức nêu lời hồi hướng, khắp khuyên vãng sinh.

Đã rõ rằng nguồn gốc của tà kiến chính là do lời dạy bảo của hàng thầy bạn bất chánh. Nhưng dầu do nghiệp đời trước chiêu cảm đâu có thể bảo chính tâm mình không mê lầm. Mê lầm mà không lìa tâm chúng ta thì quả báo ở khổ thú tất khó trốn được. Huống là một khi thức đã bị ô nhiễm

thì muôn lời dạy cũng khó quay đầu. Vì thế quyển Bảo Vương Tam-muội Niệm Phật Trục Chỉ do đây mà được soạn ra. Tôi vừa lập chí này liền lấy tâm này mà duyên với khổ lớn của nghiệp ràng buộc cõi Ta-bà, mà nhớ nghĩ cảnh tiêu dao tự tại y chánh cõi Cực lạc. Sạch và đơ giao nhau, chúng sinh và Phật cùng sáng rõ. Vô lượng nghĩa lý đều tụ họp ở tâm, tràn đầy niềm pháp hỷ. Bây giờ tôi không còn thấy có mình nữa, tất cả lý sự đều vô ngại, thân và cõi đều viên dung, không còn bị vướng mắc câu thúc của câu văn lời nói nữa như là đã sinh về Tịnh độ rồi vậy. Tất cả công đức như thế nhiều vô lượng vô biên. Hôm nay tôi nguyện đem tất cả công đức như trên, xem xét và tập hợp tất cả thiện căn có được từ nay đến suốt kiếp vị lai đều phát tâm hồi hướng cầu vãng sinh Tịnh độ, đúng lý pháp tánh dần dà mở rộng đến vô cùng. Từ quả đến nhân đều là hạnh là nguyện đầy khắp cả vô số cõi nước, đều đem hồi hướng khắp thí cho chúng sinh, tất cả đều trọn thành, đồng vãng sinh về Tịnh độ. Tôi lại nguyện nhờ

niệm lực này đều khiến tất cả chúng sinh ở khắp vô số cõi nước ở mười phương và ở thế giới Ta-bà, đúng như sự mong ước của tôi, tất cả chúng sinh ấy có y chánh sắc tâm hoặc giống hay khác đều cùng lúc vào trong ánh hào quang vô lượng sáng suốt của đấng giáo chủ cõi Cực lạc. Bảy giờ trong mỗi đầu sợi lông nơi nơi đều là Cực lạc, ai nấy biến hiện tự nhiên, đều có thần thông du hý, vĩnh viễn không thiếu sót thứ gì, giống y như cõi của Phật ở, thì nguyện tôi mới trọn vẹn. Do đó tôi lại càng thêm nhất tâm gồm nhiếp tất cả vô lượng thiện căn do Tam nghiệp đã tu dù nhiều ít lớn nhỏ, từ vô thủy đến nay và suốt cả bờ mé vị lai, tất cả thiện căn ấy đều hiện ra trước khắp cho chúng sinh ở cõi Cực lạc đều một lòng hồi hướng. Ngưỡng mong thần lực của chư Phật, nguyện lực của Phật A-di-đà cùng sức công đức của hai vị đại sĩ, nguyện xin pháp môn này, nguyện các thiện căn này biến khắp lục căn của tôi và đầy khắp thân thể, khiến lục căn của tôi đối với cảnh và trí rất tự tại. Đầy khắp cõi hư không đều là sắc thân, đều có

thể tuyên nói về pháp môn như thế. Do thân căn này ở trước tất cả chúng sinh đến suốt cả bờ mé đời vị lai cũng không bao giờ lười chán, mà luôn luôn cúng dường cung kính thờ phượng hầu hạ tất cả chúng sinh như hầu hạ Đức Thế Tôn, nắm vóc sát đất, quỳ gối chấp tay, chí thành kính khuyển, xin dùng lời kệ khuyển rằng:

Thế giới Cực lạc rất thanh tịnh
 Trang nghiêm đẹp mầu vượt thế gian
 Nguyên lực Di-đà khắp hư không
 Tướng đẹp sáng rõ cũng như thế
 Từng niệm không lìa cõi thế gian
 Khắp cứu bọn ta về cõi ấy
 Bọn ta đành chịu trong sinh tử
 Trái bao đắm chìm không thoát ra.
 Phật đã đưa tay đợi từ lâu
 Phút giây than thở thật ân cần
 Ánh sáng phát ra sen liền nở.
 Nay chính lúc nguyện sinh cõi ấy
 Thân luôn vô thường, thời qua nhanh
 Các khổ nung nấu, phải lìa mau
 Hãy tu nhanh lên cùng niệm Phật
 Hết báo thân này sinh Tây phương.

Lại nguyện tập pháp môn này luôn tồn tại ở thế gian như pháp thân Phật, không cần người mời thỉnh vẫn làm lợi lạc tất cả chúng sinh và đồng được sinh về nước An dưỡng. Nguyện Thiên long bát bộ thường hiện đến giúp đỡ hộ trì pháp môn này, đừng để nó bị diệt mất, đúng như lý pháp tánh cùng Phật pháp vĩnh viễn truyền bá khắp nơi, luôn được tồn tại.

THUYẾT PHÁP VỌNG NIỆM PHẬT (TRỰC CHỈ TÂM YẾU)

Tam-muội niệm Phật, Đấng Đại Hùng thấy các nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết do các nghiệp ràng buộc ở cõi Ta-bà này nên đã dạy mọi người pháp niệm Phật A-di-đà cầu sinh về thế giới Cực lạc. Do thân Phật và cõi nước trong sạch không đâu bằng, đứng đầu trang nghiêm và y chánh báo vô cùng đẹp đẽ màu nhiệm nên có tên như vậy. Chúng Bồ-tát có tâm rộng lớn trong hội của Đức Phật ấy và những chúng sinh nghe ngôn giáo của Phật mà được sinh về cõi ấy số đông vô kể. Từ khi giáo pháp này lưu hành trong thiên hạ, từ Đông sang Tây,

xưa đến nay, những người vâng theo giáo pháp được vãng sinh rất đông, dù lấy số cát sông Hằng hay số bụi nhỏ cũng không lường được. Cách xa thời Thánh hiền, người đời đầy phiền toái, chẳng biết cõi Cực lạc Tây phương thật đang tồn tại, lại hiểu lầm câu các pháp duy tâm, cho đó là huyền diệu nên đã dối nhận tướng duyên ảnh lục trần điên đảo trong ngực làm tâm, cho rằng cõi Cực lạc trong lòng mình nên không cầu sinh chỗ khác, thật là điên đảo vậy. Duyên ảnh lục trần này đều thuộc tiền trần vốn không có bản thể riêng. Nếu tiền trần không có thì tâm này liền mất thì sao nói có cõi đó trong tâm này? Ông lại nói tâm này vốn trong ngực, tâm nhỏ xíu trong ngực sao có thể chứa cõi Phật rộng lớn được? Dù nói rằng một khi ngộ đạo thì cõi Phật trong tâm thì cũng chỉ có thể nói rằng thấy tánh mà ngộ đạo chứ sao có thể nói Tịnh độ trong tâm? Kẻ có kiến chấp như vậy quả thật là tà kiến. Dù là chủng tánh của thiên ma, giặc ác, ngoại đạo cũng đã vượt hơn kiến chấp này, ở thế gian cũng chẳng có kiến chấp vô

cùng thấp kém này. Thật đáng thương xót thay! Ông nay nếu muốn ngộ tâm chân thật bản nhiên thì trước tiên nên quán sát tâm nhận duyên ảnh lục trần vốn ở trong ngực người, ngực ở trên thân, thân ở trong cõi nước, cõi nước và tất cả sát hải tịnh uế đều ở trong hư không, mà cõi hư không này không có biên giới, bao trùm tất cả, tất cả y báo chánh báo của mười cõi đều ở trong đó, nó rộng lớn khó nghĩ lường. Hư không này tuy lớn, bảo tâm tự nhiên chân thật bất động của ta chẳng phải chỉ lớn mà là cực lớn, lại có thể bao trùm cả hư không lớn lao nhất kia. Hư không kia nằm trong chân tâm của ta chỉ như một vẩn mây nhỏ chợt bay ngang bầu trời thì tất cả sát hải tịnh uế như Ta-bà, Cực lạc sao lại không ở trong tâm bản nhiên của ta? Đức Phật nói các pháp đều ở trong tâm đó thật ra chẳng phải trong tâm vọng tưởng ảnh duyên trong ngực người, mà ở trong một tâm niệm hiện tiền vốn chân thật của người.

Tâm chân thật này hoàn toàn tách rời tri giác, vượt khỏi thấy nghe, hoàn toàn chấm

dứt tất cả tướng sinh diệt, tăng giảm, không xưa không nay, tánh vốn chân như bao hàm mọi sự màu nhiệm. Mười cõi gốc của mê ngộ vốn không thể suy nghĩ bàn luận được sự rộng lớn của nó. Tất cả thân, độ đều nằm trong chân tâm đại giác bất động của ông, chúng ngộ đồng như Phật mới biết các cõi Ta-bà, Cực lạc... tuy là cảnh thật nhưng toàn ở trong tâm ta. Nếu đã trong tâm ta, vậy tâm ý bỏ Đông chọn Tây, ghét uế ưa tịnh, ghét Ta-bà cầu sinh Cực lạc cho đến ghét chúng sinh ưa thích Phật, buông thả tâm ý chấp cầu nơi tướng, những tâm ý đó đều không ngoài tâm ta. Nếu cầu như vậy là không ngoài tâm ta thì khi tướng tốt của Đức Di-đà thế giới Cực lạc hiện ra chính là tự tâm ta hiện. Khi tự tâm ta hiện chính là Đức Phật ấy hiện, hơn nữa tâm ta tức là tâm của Đức Phật kia, Đức Phật kia chính là Đức Phật trong tâm ta, chỉ một thể không hai nên nói rằng duy tâm Tịnh độ, bản tánh Di-đà, chứ không có nghĩa rằng không có cõi Tây phương, không có Phật cõi đó, không cần cầu vãng sinh, chỉ trong tâm

duyên ảnh sinh diệt của người mà gọi là duy tâm bản tánh. Lại nói: Cầu Đức Phật kia tức cầu tự tâm, cầu tự tâm nên cầu Đức Phật kia, nghĩa này rất rõ ràng, vì sao thời nay lại có hạng phá pháp, chia rẽ tăng, bỏ đạo theo Nho, hiểu qua loa Thiên lý, chẳng biết gì lý tức cảnh tức tâm, cầu không ngăn ngại, chân thật, trở lại phân chia pháp bất nhị, phân biệt tâm cảnh, dạy người bỏ ngoài lấy trong, quay lưng với cảnh, hướng vào trong tâm khiến cho sự ghét yêu thêm nhiều, tâm phân biệt thêm sâu, trái xa với lý thú. Vừa phân chia cảnh xong liền cho Cực lạc là ngoài, dạy người không cần cầu sinh về; vừa phân chia tâm xong thì dối chỉ duyên ảnh lục trần vọng tưởng giả dối là tâm, nói Cực lạc ở trong. Nhân suy nghĩ thấy tâm này không có thể chất nên nói vốn không có pháp nhân quả, thiện ác, tu chứng, do đây buông lỏng theo duyên đời, dạy người không cần lạy Phật, đốt hương, thắp đèn, tụng kinh, sám nguyện... vì cho đó là chấp tướng. Ít thì nói những việc đó ràng buộc tâm bất động như tảng đá vô tri làm hư loạn

pháp thiên. Nhiều thì buông thả tự do, nói nghiệp sát, đạo, dâm như hoa đốm hư không, không làm trở ngại đạo. Nhân tà kiến này mà đọa lạc trong sinh tử, rơi thẳng vào tầng cuối nhất của ngục A-tỳ, tội này còn nặng hơn tội sát sinh, bán rượu. Đến khi biết hối hận thì địa ngục này mới mất, mới được ra khỏi. Lại đối với cảnh y báo ruộng, nhà, núi sông, đất đai ngoài thân tuy thấy có thật, không dám nói không có, đều gọi là vật ngoài tâm, phân thành hai phần, không thể tạo thành một khối để tâm và cảnh như nhất. Chỉ đối với việc mặc áo, ăn cơm, nhân lòng tham đối với miệng và thân nặng nên không dám hô hào là bên ngoài, còn đối với trần sát các cõi Cực lạc, thiên đường, địa ngục tuy từng nghe tên nhưng vì không thấy nên thẳng thừng nói không có. Trở lại nói người A xứ B khoái lạc chính là thiên đường; người X xứ Y khổ sở chính là địa ngục mà chưa từng biết rằng chân tâm không hư huyễn này mới thật có đủ sát hải thiên đường địa ngục. Lấy đây để dạy người không cần cầu vãng sinh thì thật là ngu si

vậy. Ô hô ông đã không biết chân tâm bất sinh bất diệt này hàm chứa cả thái hư, lại nhận tác vuông duyên ảnh trong thân này là tâm thì đó là nhận giấc làm con, không cầu nơi Phật thì kiến chấp đó thật là thấp kém. Kinh nói: “Ví như vớt bỏ trăm ngàn biển lớn trong xanh, chỉ nhận một hòn bọt nước cho là toàn bộ sóng nước, cùng tận biển khơi thì Như Lai gọi đó là kẻ đáng thương xót.” Chính là hạng này vậy. Vì tâm ta và tâm Phật thật đồng một lý nên ánh sáng, oai đức và nguyện lực của Phật A-di-đà ở trong tâm ta, và lực ngu si của tâm ta mà làm tất cả Phật sự, không lúc nào không dẫn dắt nơi ta, tâm ta ở trong đại tâm nguyện lực của Phật A-di-đà mà tu các hạnh lành niệm Phật cầu sinh. Không có một hạnh lành nào không chứa đủ đức của Phật, có đủ đức của Phật thì ta thành tựu Tam-muội. Do vậy nguyện lực của Phật A-di-đà ban đầu nằm ở phát tâm, sau cùng nằm ở cứu cánh, không một pháp nào không đi thẳng đến tâm ta vì tâm ta tức là tâm Phật. Tâm ta từ vô thí đến nay tận đời vị lai tu tất cả Tam-muội,

không một pháp nào không thu nhiếp về biển Phật, thành Phật xưa nay vì tâm Phật tức là tâm ta vậy. Vậy sắc tâm y chánh, nhân quả tịnh uế tuy đồng một tâm mà thật không ngăn ngại nhau, mỗi mỗi tự phân ở vị trí mình trong cùng một tâm. Do cùng một tâm nên tuy tịnh uế khác nhau, mà điều mong cầu không nằm ngoài chân tâm. Do tự phân nên tuy nhất tâm mà ắt sẽ bỏ uế lấy tịnh. Bỏ uế lấy tịnh thì tịnh uế tự phân ra, có thể ngộ được duy tâm Tịnh độ. Tu tập như vậy ví như một giọt nước rơi vào biển bèn cùng một vị, mới biết biển lớn tức chính mình, há có một hạnh nào vô ích không thành công đức sao? Nay những kẻ ngu dại trong ba nhà đó tuy không biết lý nhưng nhờ lòng tin rằng thật có cõi kia. Khi mạng chung sẽ được vãng sinh. Còn kẻ sợ sa bẫy hư không, nhân nhận duyên ảnh là tâm, nói rằng không có cõi nước nằm ngoài thì tuy tu đạo hạnh mà vẫn bị sinh tử. Do đây mà biết rằng ánh sáng, oai đức, nguyện lực của Phật A-di-đà thường còn ở thế gian, việc giáo hóa không bao giờ ngừng, Ngài vẫn

muốn thâm nhiếp cả chúng sinh trốn tránh cái chết, chuyên quên, huông chi người nhớ niệm Phật lại không được vãng sinh ư? Cõi nước đó thù thắng thì người cầu vãng sinh về đó thâm tâm cũng phải phát khởi hạnh nguyện thù thắng. Hoặc chỉ xưng danh hiệu, chuyên trì một chú và chỉ kính hành, lễ lạy, cho đến đốt hương rải hoa sáu thời sám hối, bỏ hết duyên đời, một lòng chuyên chú quán hình dung và tướng bạch hào của Phật, tâm không lười nhác ngưng bỏ thì khi mạng chung nhất định vãng sinh. Nếu lại hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ mẫn không giết hại, tu thập thiện nghiệp, nhận giữ tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi, tin sâu nhân quả, không bài bác Đại thừa, khuyến khích người tu, tu những pháp như vậy cũng sẽ sinh về cõi nước kia. Nếu được sinh về đó, không chỉ được sinh, lại rõ biết như trên, khi thật sự nỗ lực niệm cầu sinh. Đó chính là lý vô niệm, vô cầu, vô sinh. Vì sao? Tức tinh tấn là vô tu, chứ không phải không tu là vô tu. Nếu nói buông bỏ tất cả, không bám víu

thiện ác, rộng mở không trở ngại là vô tu thì có khác gì đoạn kiến của ngoại đạo, không phải ngu si là gì? Sao không nghe người xưa cho sắc tướng là vô tướng, lấy thân tu làm vô tu, lấy kia nêu đây, mọi pháp đều vậy, sao không thâm xét. Nay nghĩ mạng người vô thường, chuyển hơi thở đã thành đời khác, huống gì việc đời liên miên như dây câu không đứt đoạn, nếu không bị ràng rịt thì khi trần lao tích tụ và chính khi đương đắc ý, ngừng tay không được mà có thể một dao chặt đứt, phát nguyện lập hạnh, hết sức nhảy thoát thì có thể như niệm mà vãng sinh. Do đó, tôi nay làm lễ xin khuyên hàng Phật tử đều phải nhất tâm tinh tấn tu hành.

(Bạn tôi là Lý cư sĩ viết bài khuyên niệm Phật, nhờ tôi viết vài lời nên có thuyết này.)

Ngày 20 tháng 9 năm Ất Hợi niên hiệu Hồng Vũ.

LỜI BẠT

Tịnh Trục xem pháp ngữ của Đại sư Vân

Thê mà biết có pháp môn Tịnh độ. Trong đó nói Tịnh nghiệp và Thiên như lan mùa xuân, cúc mùa thu, mỗi loại có nét đẹp riêng không trở ngại nhau mà chưa biết Tịnh nghiệp tức là Thiên vô thượng sâu xa màu nhiệm. Mùa đông năm Đinh Hợi, lên Tô đường làm lễ Đại sư Ngẫu Ích, nghe bàn Thiên Tịnh không hai, nói rằng không những không thể tách rời mà cũng không cần hợp lại. Tuy hâm mộ lời nói đó nhưng lại thầm nghi ngờ. Nay đọc “Trực chỉ niệm Phật” này mới tin Đại sư Ngẫu Ích quả thật không chủ quan và tin “Tứ liệu giản” của Đại sư Vĩnh Minh thẳng thẳng không gạt người, do đó ra sức kêu gọi các duyên khắc in lưu hành, các bạn bè cũng vui vẻ trợ giúp, thế mới biết nguyện lực và hoằng thệ của Đức Phật A-di-đà đã quán triệt tâm người từ lâu. Khắc xong kính ghi vài lời bạt để biết niềm vui của pháp.

Ngày rằm trung thu năm Tân Dậu. Đệ tử Tịnh nghiệp là Xa Tịnh Trục viết tại Tứ Liên Cư năm sáu mươi tuổi.

